

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: Đào Thị Thúy Anh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ
XÂY DỰNG ĐÔNG NAM Á**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Đào Thị Thúy Anh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Thúy Anh

Mã SV: 1213401048

Lớp: QTL601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á.
 - Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á.
 - Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2013
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014
Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1:.....	1
NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1.1.Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác địnhkết quả kinh doanh	1
1.1.2. Khái quát về doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.2.1. Doanh thu	3
1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.1.2.3.Chi phí	7
1.1.2.4. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.2. NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	9
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	17
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	19
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	26
1.3. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	28
1.3.1 . Hình thức kế toán Nhật ký chung	28
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái	28
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	28
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	29
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2.....	30
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TU	

VẤN VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM Á

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ

XD ĐÔNG NAM Á	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	30
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty	30
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty	30
2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	31
2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban	31
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	33
2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán	33
2.1.4.2. Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán	33
2.1.4.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty	34
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á	36
2.2.1.1. Nội dung của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á	36
2.2.1.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	37
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán hạch toán	37
2.2.1.4. Ví dụ minh họa	38
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á	43
2.2.2.1. Nội dung kế toán giá vốn hàng bán tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á	43
2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	43
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán hạch toán	43
2.2.2.4. Ví dụ minh họa	44
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á	49
2.2.3.1. Nội dung kế toán chi phí quản lý kinh doanh công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á	49
2.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	49
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán hạch toán	49

2.2.3.4. Ví dụ minh họa.....	50
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.....	54
2.2.4.1. Nội dung . kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.....	54
2.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	54
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán hạch toán	54
2.2.4.4. Ví dụ minh họa.....	55
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.....	61
2.2.5.1.Nội dung kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.....	61
2.2.5.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	61
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán hạch toán	61
2.2.5.4. Ví dụ minh họa.....	62
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.....	70
2.2.6.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.....	70
2.2.6.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng	70
2.2.6.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán hạch toán	70
2.2.6.4. Ví dụ minh họa.....	71
CHƯƠNG 3.....	80
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM Á	
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á	80
3.1.1.Ưu điểm.....	80
3.1.2.Hạn chế.....	81
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á	82
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và	

xác định kết quả kinh doanh.....	83
3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	83
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.....	84
3.2.3.1. Kiến nghị 1	84
3.2.3.2. Kiến nghị 2.....	86
3.2.3.3.Kiến nghị 3	86
3.2.3.4: Kiến nghị 4.....	94
3.2.3.5: Kiến nghị 5	98

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT 00001012.....	38
Biểu 2.2. Bảng kê chứng từ Nợ TK 131	39
Biểu 2.3: Chứng từ ghi sổ số 01/12.....	39
Biểu 2.4. Sổ đăng ký CTGS tháng 12/2013	40
Biểu 2.5. Sổ cái TK 511	41
Biểu 2.6. Sổ cái TK 131	42
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 28/12.....	44
Biểu số 2.8: Bảng kê chứng từ Nợ TK 632.....	45
Biểu số 2.9: Chứng từ ghi sổ số 13/12.....	46
Biểu số 2.10: Sổ đăng ký CTGS tháng 12/2013	47
Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632	48
Biểu số 2.12: Phiếu chi số 161	50
Biểu số 2.13: Bảng kê chứng từ Nợ TK 642.....	51
Biểu số 2.14: Chứng từ ghi sổ số 08/12	52
Biểu số 2.15: Sổ cái TK 642	53
Biểu số 2.16 :Giấy báo có số 26.....	55
Biểu số 2.17: Bảng kê chứng từ Có TK 515	55
Biểu số 2.18: Chứng từ ghi sổ số 02/12	56
Biểu số 2.19: Sổ cái TK 515	57
Biểu số 2.20 :Phiếu chuyển khoản nợ vay số 12.....	58
Biểu số 2.21 : Bảng kê chứng từ Có TK 635	59
Biểu số 2.22: Chứng từ ghi sổ số 03/12	59
Biểu số 2.23: Sổ cái TK 635	60
Biểu số 2.24: Biên bản thanh lý TSCĐ.....	63
Biểu số 2.25: Chứng từ ghi sổ số 15/12	64
Biểu số 2.26: Sổ cái TK 811	65
Biểu số 2.27: Hóa đơn GTGT số 0001005	66
Biểu số 2.28 :Lệnh chuyển có số 12	67
Biểu số 2.29: Chứng từ ghi sổ số 02/12	68
Biểu số 2.30: Sổ cái TK 711	69
Biểu số 2.31 : Phiếu kế toán số 20	71
Biểu số 2.32 : Phiếu kế toán số 21	72
Biểu số 2.33 : Phiếu kế toán số 22	72
Biểu số 2.34: Chứng từ ghi sổ số 16/12	73

Biểu số 2.35: Chứng từ ghi sổ số 17/12	73
Biểu số 2.36: Chứng từ ghi sổ số 18/12	74
Biểu số 2.37: Sổ cái TK 911	75
Biểu số 2.38 : Sổ cái TK 421	76
Biểu số 2.39: Sổ cái TK 821	77
Biểu số 2.40: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 12/2013	78
Biểu số 2.41 : Báo cáo KQHĐKD	79
Biểu số 3.1 : Sổ chi tiết bán hàng.....	85
Biểu số 3.2 : Phiếu chi số 175	89
Biểu số 3.3 : Bảng kê chứng từ Nợ TK 635.....	90
Biểu số 3.4 : Chứng từ ghi sổ số 08/12	91
Biểu số 3.5 : Sổ đăng ký CTGS tháng 12/2013	92
Biểu số 3.6 : Sổ cái TK 635	93
Biểu số 3.7 : Sổ theo dõi công nợ	97

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu BH và cung cấp DV	11
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
Sơ đồ 1.3a: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	15
Sơ đồ 1.3b: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	16
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán CPQLKD	18
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu HĐ TC.....	20
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	22
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	24
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác.....	25
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ kế toán XĐ KQKD	27
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý công ty	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán	33
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán.....	35
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu BH và cung cấp DV	37
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	43
Sơ đồ 2.6 : Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	49
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	54
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	61
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	71

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển, doanh nghiệp phải sản xuất được nhiều sản phẩm, cung cấp được nhiều dịch vụ, tiêu thụ được nhanh và thu được nhiều lợi nhuận. Câu hỏi đặt ra cho các doanh nghiệp là phải làm sao để không ngừng nâng cao được lợi nhuận và có thể đứng vững trên thị trường đầy cạnh tranh. Một trong những biện pháp quan trọng mà doanh nghiệp quan tâm đến là đó là không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Để thực hiện điều này, một trong những công việc mà doanh nghiệp cần phải làm đó là tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Bên cạnh đó, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin không chỉ quan trọng với chính doanh nghiệp mà còn quan trọng với các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các cơ quan tài chính và với Nhà Nước... Các thông tin này được đội ngũ kế toán trong công ty tập hợp và phản ánh dưới dạng các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị doanh nghiệp muốn có số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh đáng tin cậy thì cần tổ chức tốt đội ngũ nhân viên và một quy trình kế toán phù hợp với đơn vị mình nhưng cũng cần tối thiểu hóa chi phí và có hiệu quả cao. Đây không phải nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi nền kinh tế đang ngày càng phức tạp và gặp nhiều khó khăn.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á, nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề kết hợp với mong muốn được đi sâu tìm hiểu về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, em đã mạnh dạn lựa chọn đề tài khóa luận “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á***”.

Kết cấu của bài khóa luận:

Chương 1: Những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

CHƯƠNG 1**NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

1.1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thực tế nói riêng của doanh nghiệp.

- Xác định đúng kết quả kinh doanh giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo.

- Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

- Xác định đúng đắn kết quả kinh doanh không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp mà nó còn ảnh hưởng tới Nhà nước, các trung gian tài chính (ngân hàng, công ty chứng khoán, các tổ chức tín dụng...) và đối với các nhà đầu tư, các cổ đông.

1.1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp:

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trạng thái các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

- Là nguồn tài chính để doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định.
- Là nguồn tài chính có thể tham gia góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đủ bù đắp các khoản chi phí đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng trên kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh và tất yếu sẽ dẫn đến phá sản.
- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta đi đến việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Yêu cầu

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa về số lượng, chất lượng giá trị hàng hóa bán ra, quản lý từ khâu mua, bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng cụ thể như sau:

- Quản lý số lượng ; giá trị hàng hóa xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.
- Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.
- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hóa, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

b. Nhiệm vụ

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị....
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho...
- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí quản lý kinh doanh, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ –BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính và thông tư số 89/2002/TT-BTC thì:

-Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm:

a. Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá nhờ người sở hữu hàng hoá.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + DN thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- **Phương thức bán hàng trực tiếp**: là phương thức giao hàng cho người mua ngay tại kho, tại quầy, tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao chính thức được coi là tiêu thụ, doanh thu được ghi nhận.

- **Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận**: bên bán hàng chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ

- **Phương thức bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

Theo luật thuế GTGT, nếu bên đại lý bán theo đúng giá quy định của bên giao đại lý thì toàn bộ thuế GTGT đầu ra do bên giao đại lý phải nộp vào Ngân sách Nhà nước, bên nhận đại lý không phải nộp thuế GTGT trên phần hoa hồng được hưởng.

- **Phương thức bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp**: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Xét về bản chất, hàng bán trả chậm trả góp vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, nhưng quyền kiểm soát tài sản và lợi ích thu được từ tài sản được chuyển giao cho người mua. Vì vậy doanh nghiệp, ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm tính trên khoản trả chậm

- **Phương thức bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**: Là phương thức mà doanh nghiệp đem sản phẩm, hàng hoá, vật tư để đổi lấy hàng hoá khác không tương tự, giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hoá, vật tư tương ứng trên thị trường.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ
- + Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc xác định doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Với sản phẩm hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu VAT hoặc chịu VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá có VAT).

Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế XK thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK).

Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công

Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm :

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bao gồm:

- Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Tiền thu phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và cho thuê tài sản
- Thu nhập quà tặng quà biếu bằng tiền, hiện vật doanh nghiệp được tặng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã tiến hành xóa sổ
- Các khoản thu nhập khác

1.1.2.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán trên TK 5211

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán hàng (sản phẩm, hàng hoá), cung cấp dịch vụ.

Trong kỳ, chiết khấu thương mại phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ Tài khoản 5211 - “Chiết khấu thương mại”. Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được kết chuyển toàn bộ sang Tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thực hiện trong kỳ.

Hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Giá trị hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá bán ghi tên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”.

Trong kỳ, giá trị của sản phẩm, hàng hoá đã bán bị trả lại được phản ánh vào bên Nợ Tài khoản 5212 “Hàng bán bị trả lại”. Cuối kỳ, tổng giá trị hàng bán bị trả lại được kết chuyển sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc tài khoản doanh thu bán hàng nội bộ để xác định doanh thu của kỳ báo cáo. Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm, hàng hoá và xử lý theo chính sách tài chính, thuế hiện hành.

Giảm giá hàng bán

Giảm giá hàng bán dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng chất lượng kém, mất phẩm chất.

Trong kỳ kế toán, khoản giảm giá hàng bán phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ của Tài khoản 5213 “Giảm giá hàng bán”. Cuối kỳ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính thực hiện kết chuyển tổng số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần thực hiện trong kỳ.

1.1.2.3. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản:

a, Giá vốn hàng bán

Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

b, Chi phí quản lý kinh doanh

Là những khoản chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng cho hoạt động nào.

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty gồm các khoản: chi phí nhân viên quản lý và kinh doanh, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

c, Chi phí tài chính

Là những chi phí liên quan đến hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

Bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay và cho vay vốn
- Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán khi bán sản phẩm, hàng hóa
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn
- Chênh lệch lỗ mua bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái
- Chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh kể cả khoản lỗ liên quan
- Chi phí khác có liên quan đến hoạt động tài chính

d. Chi phí khác

Là khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp

Bao gồm: Chi phí thanh lý TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế; truy thu thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ, các khoản chi phí khác...

e. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.4. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh)

+ Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ tức là có hiệu quả hay chưa có hiệu quả. Điều này giúp cho nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.2 . NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT hay hoá đơn bán hàng thông thường, Phiếu xuất kho, Bảng kê hàng hóa, Phiếu thu, Hợp đồng mua bán

✓ Sổ sách sử dụng

- Các chứng từ khác có liên quan (tem thư, vé...) ,Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ đăng ký CTGS

- Sổ cái TK 511, Bảng cân đối kế toán, báo cáo tài chính

1.2.1.1.2. Tài khoản sử dụng

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 511 có 4 tài khoản cấp 2 sau:

TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112 : Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118 : Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản

TK 511

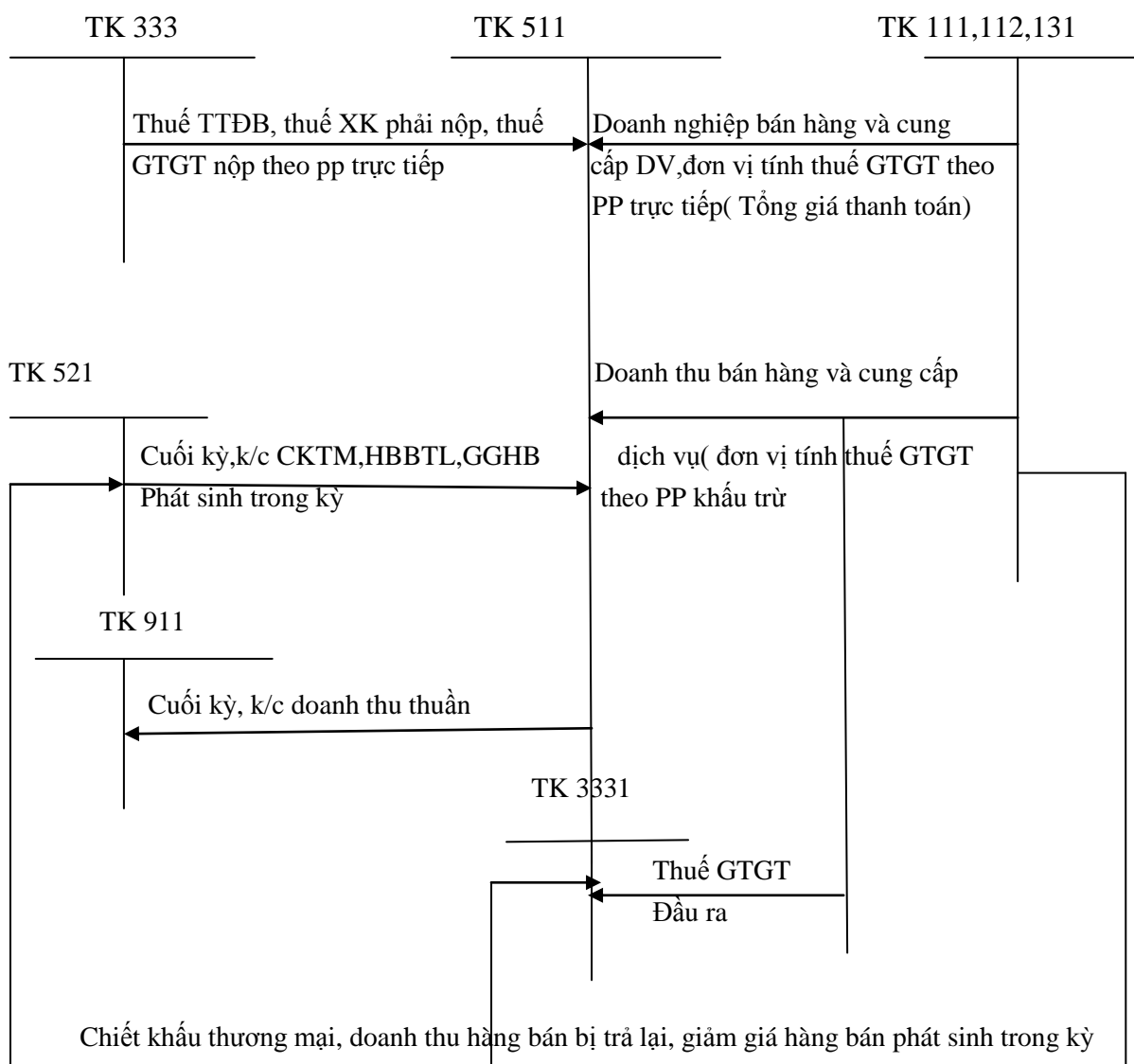
Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần về tiêu thụ sang TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có



Tài khoản 511 không có số dư

1.2.1.1.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.2.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, các chứng từ khác có liên quan
- ✓ Sổ sách sử dụng
 - Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 521

1.2.1.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2 sau:

TK 5211 : Chiết khấu thương mại

TK 5212 : Hàng bán bị trả lại

TK 5123 : Giảm giá hàng bán

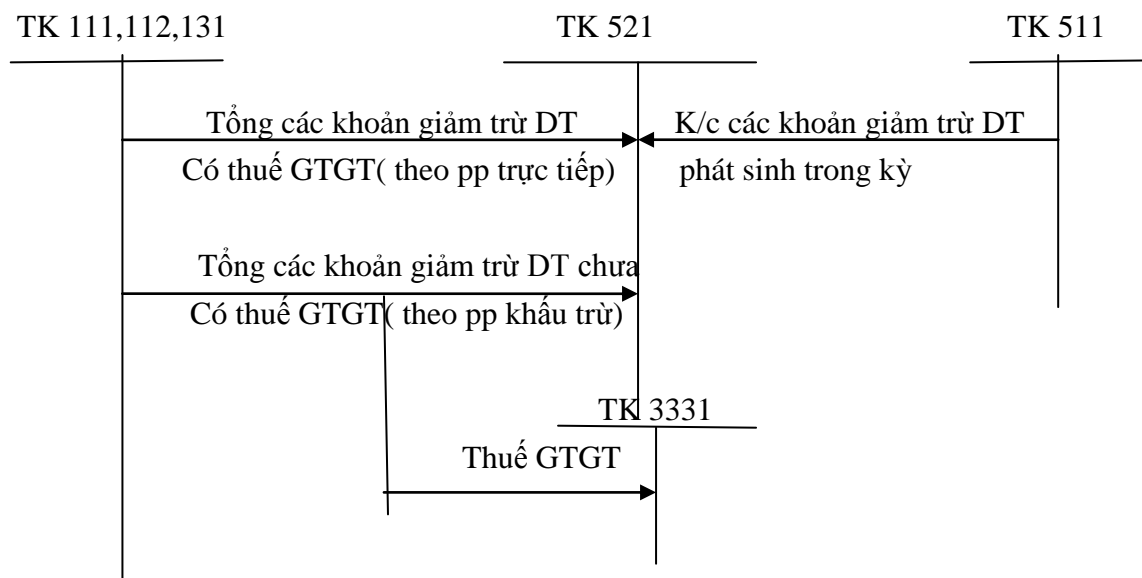
Kết cấu tài khoản

TK 521	
Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Chiết khấu thương mại - Số giảm giá cho khách hàng chưa có VAT - Doanh thu của hàng bán bị trả lại - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển khoản chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán sang TK 511.
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 521 không có số dư

1.2.1.2.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ , sổ sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT) , Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTVT)
 ,Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 –VT)

✓ Sổ sách sử dụng

- Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 632

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Kết cấu tài khoản

TK 632

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng đã bán - Phản ánh hao hụt mất HTK sau khi trừ bồi thường của người gây ra . - Phản ánh khoản dự phòng giảm giá HTK - Phải lập năm nay lớn hơn năm trước. <p>Phản ánh CPNVL,CPNC vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối niên độ kế toán. - Kết chuyển giá vốn hàng đã tiêu thụ sang TK 911.
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có
✕	

Tài khoản 632 không có số dư

1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Theo chuẩn mực số 02- HTK ban hành và công bố theo QĐ số 159/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

Trị giá hàng xuất kho= Lượng hàng hóa xuất kho × Giá đơn vị xuất kho

Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh.

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập.

Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả hàng nhập kho.

Theo phương pháp này giá thực tế hàng xuất kho được tính theo công thức

$$\text{Giá thực tế nguyên vật liệu, hàng hoá xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}}{\text{Số lượng xuất dùng}}$$

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo hai phương pháp

a. Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân của cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại thành phẩm

- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của thành phẩm vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin quản lý kịp thời.

b. Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân Sau mỗi lần nhập thứ i} = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập thứ i}}{\text{Số lượng thực tế HTK sau lần nhập thứ i}}$$

Phương pháp này khắc phục nhược điểm của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn công sức, tính toán nhiều lần.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO) :

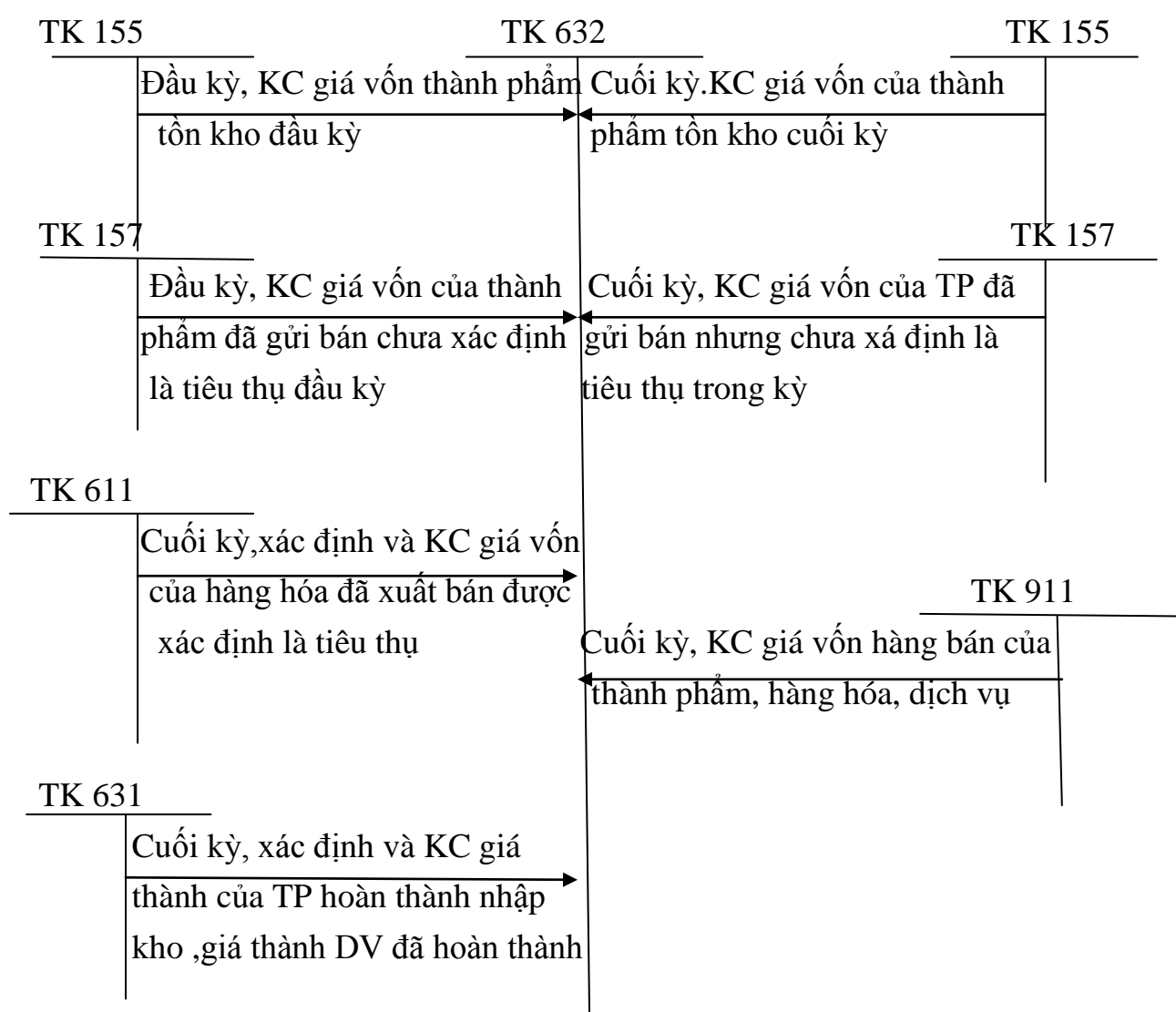
Theo phương pháp này, giả định là hàng tồn kho được mua về trước hoặc sản xuất trước thì xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc được sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Do đó, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng

tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

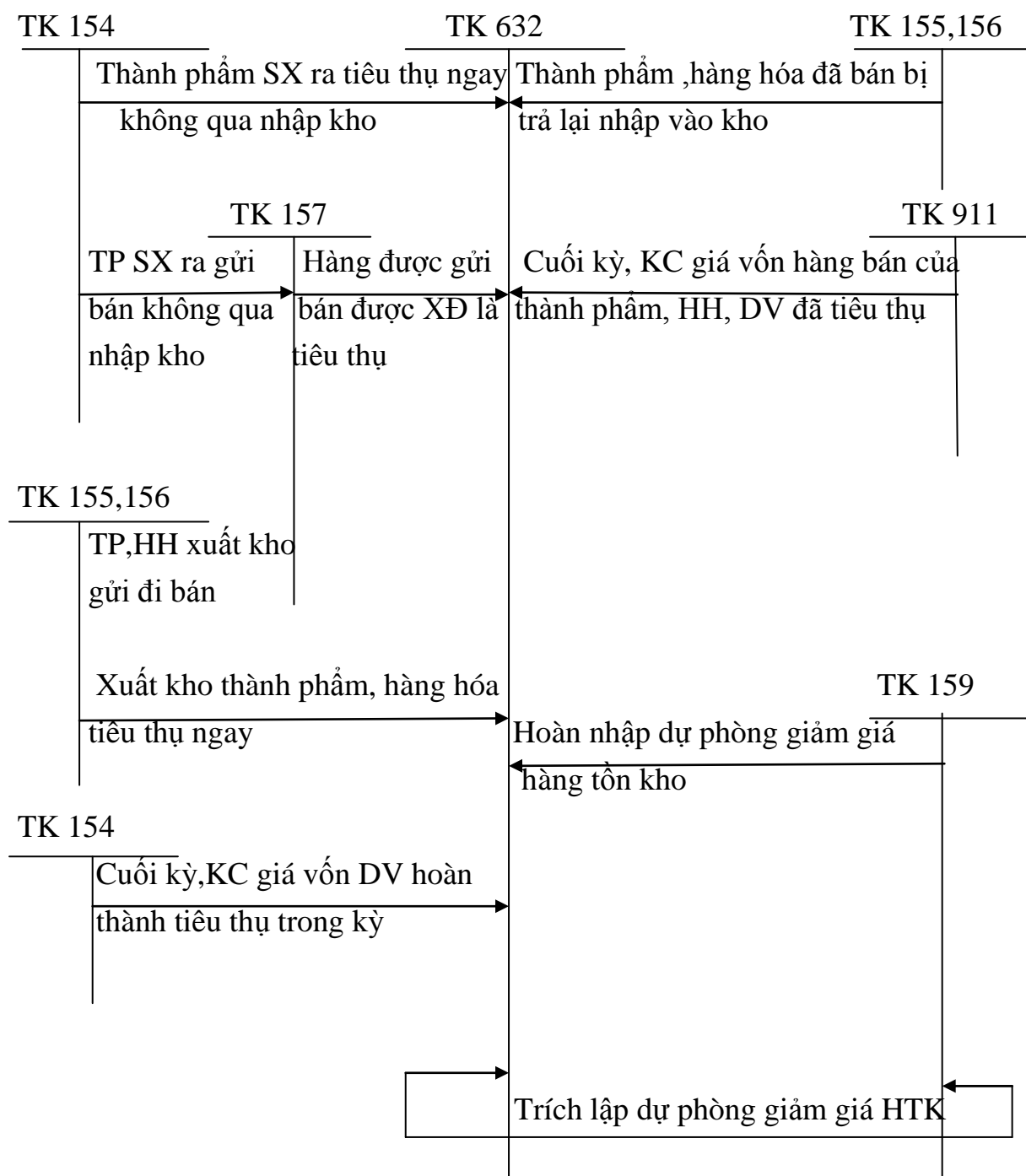
Phương pháp nhập sau xuất trước(LIFO):

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau, được sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3a: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kiểm kê định kỳ)



Sơ đồ 1.3b: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kê khai thường xuyên)

1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTVT)
- Bảng trích khấu hao
- Bảng lương và các khoản trích theo lương
- Phiếu chi, giấy báo nợ

✓ Sổ sách sử dụng

- Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 632

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh

Gồm 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

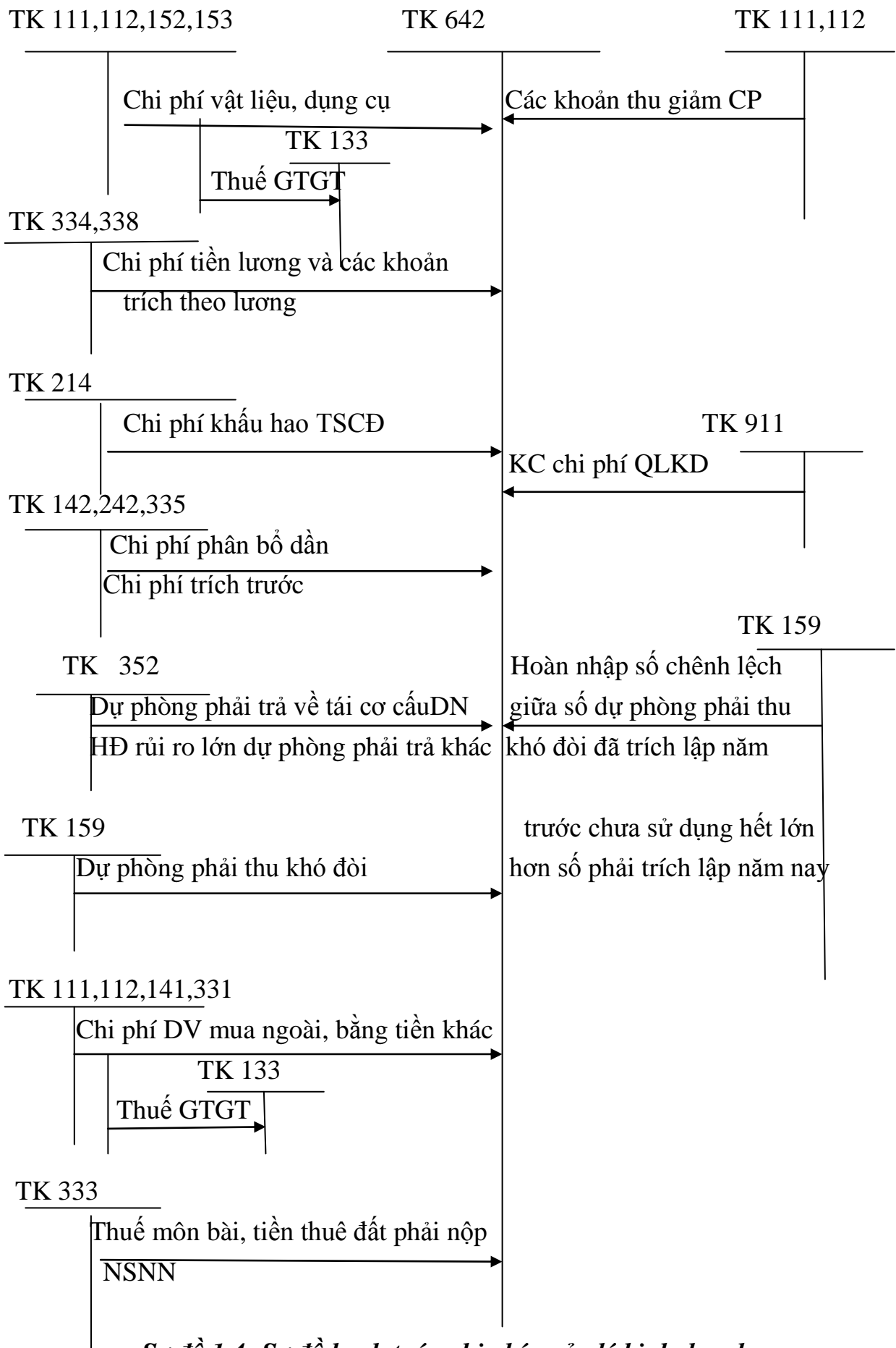
TK 642

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp chi phí QLKD phát sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển chi phí QLKD sang TK 911. - Các khoản ghi giảm chi phí QLKD trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có



TK 642 không có số dư

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động tài chính trong doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú, trong đó chủ yếu là các hoạt động tham gia liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản....

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ giấy báo có

✓ Sổ sách sử dụng

- Bảng kê chứng từ cùng loại , CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 515

1.2.4.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản

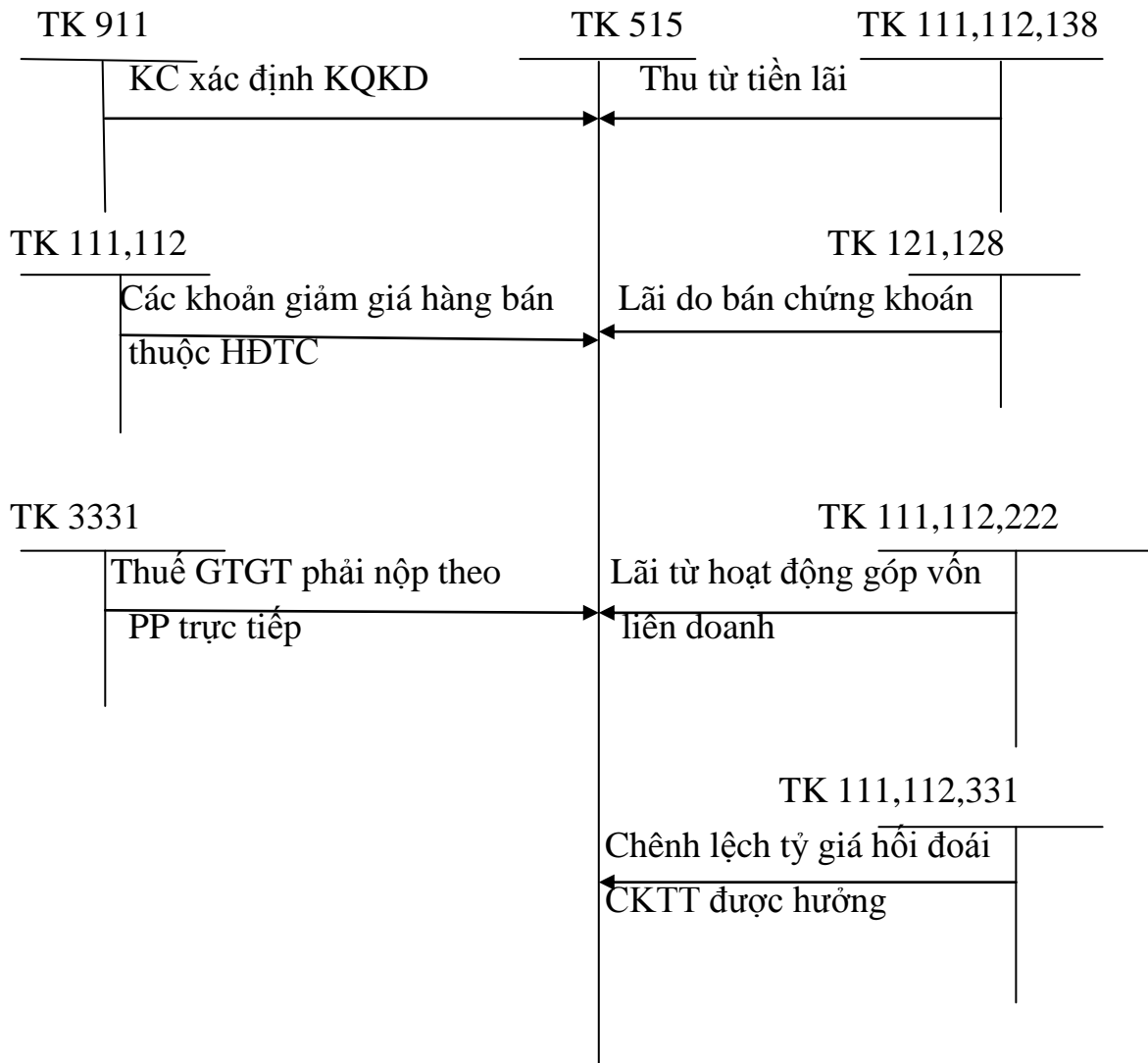
TK 515

Bên nợ	Bên có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo PP trực tiếp - KC xác định kết quả kinh doanh	-Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết -CKTT được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có



TK 515 không có số dư

1.2.4.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

1.2.4.2.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ sử dụng
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ, các chứng từ khác có liên quan
- ✓ Sổ sách sử dụng
- Bảng kê chứng từ cùng loại
- CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 635

1.2.4.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản

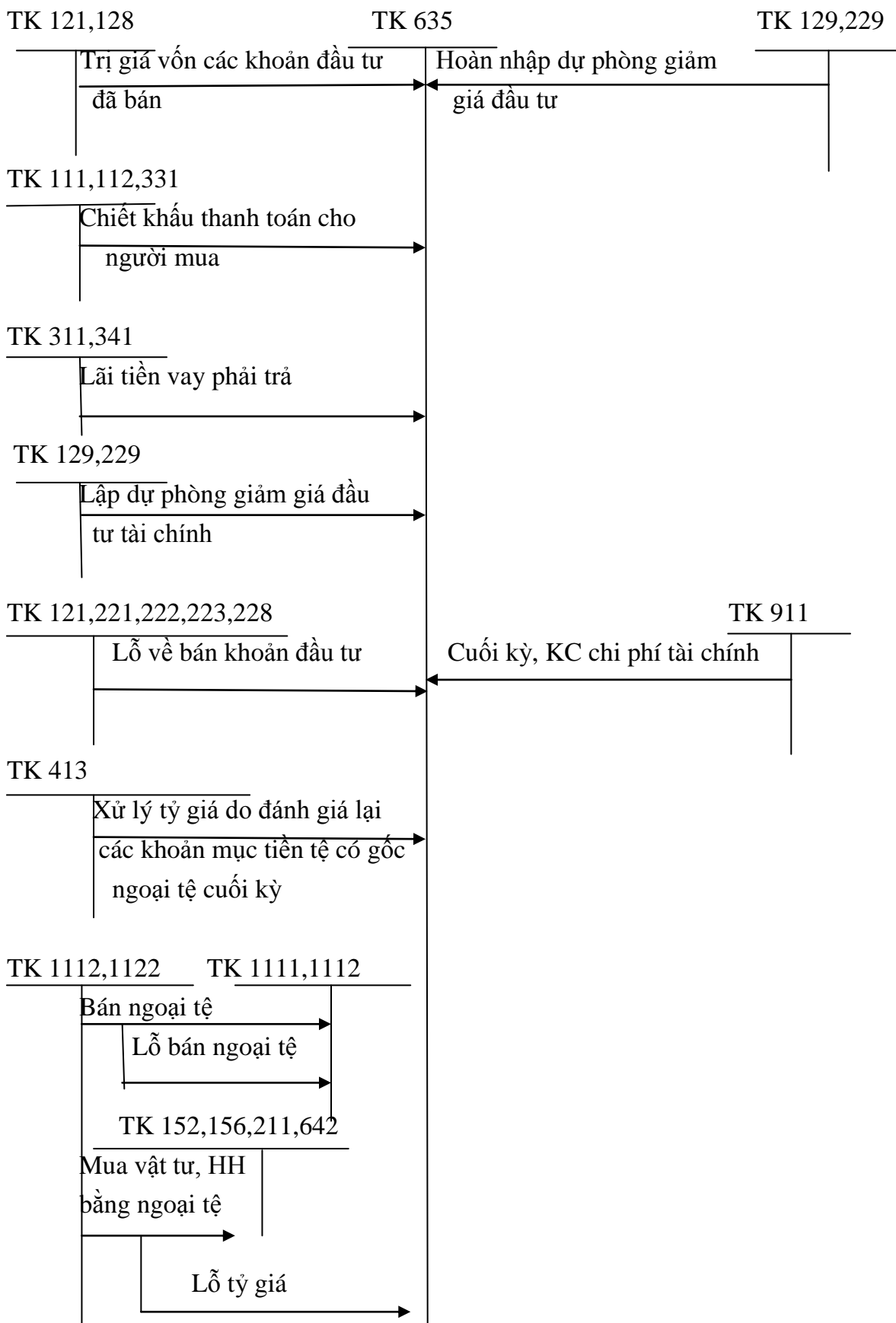
TK 635

Bên nợ	Bên có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Kết chuyển CPHĐTC sang TK 911 xác định KQKD
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có



TK 635 không có số dư

1.2.4.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

1.2.5.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng

-Phiếu thu

-Giấy báo Có

-Biên bản thanh lý TSCĐ

✓ Sổ sách sử dụng

-Bảng kê chứng từ cùng loại

-CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 711

1.2.5.1.2. Tài khoản sử dụng

TK 711 “Thu nhập khác” phản ánh các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên.

Kết cấu tài khoản

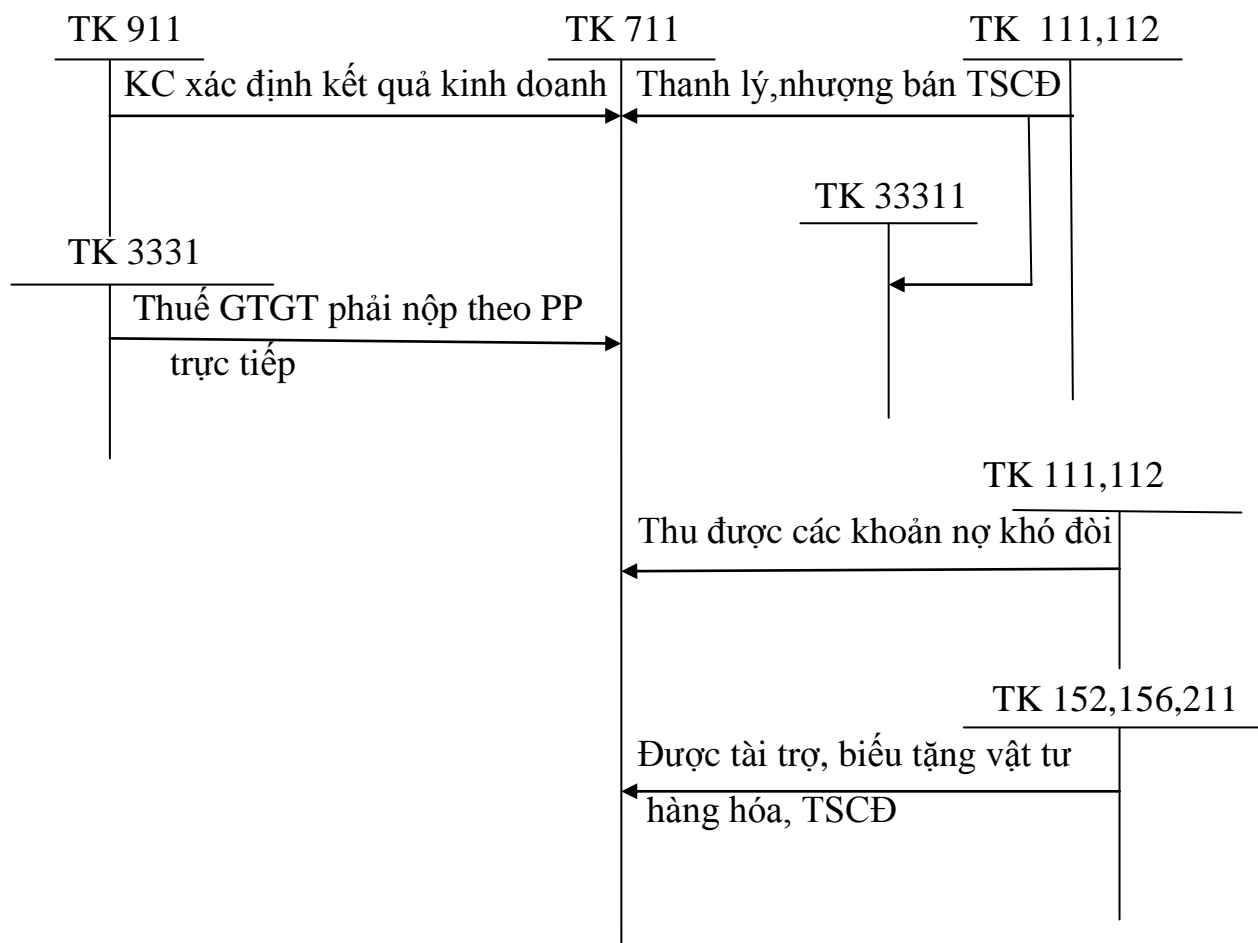
TK 711

Bên nợ	Bên có
- Thuế GTGT phải nộp theo PP trực tiếp - Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có



TK 711 không có số dư

1.2.5.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

1.2.5.2.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng

-Phiếu chi, Giấy báo Nợ

-Biên bản thanh lý TSCĐ

✓ Sổ sách sử dụng

-Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 811

1.2.5.2.2. Tài khoản sử dụng

TK 811 “chi phí khác” Phản ánh các khoản chi cho hoạt động xảy ra không thường xuyên.

Chi phí khác gồm

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng

- Bị phạt thuế

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ
Kết cấu tài khoản

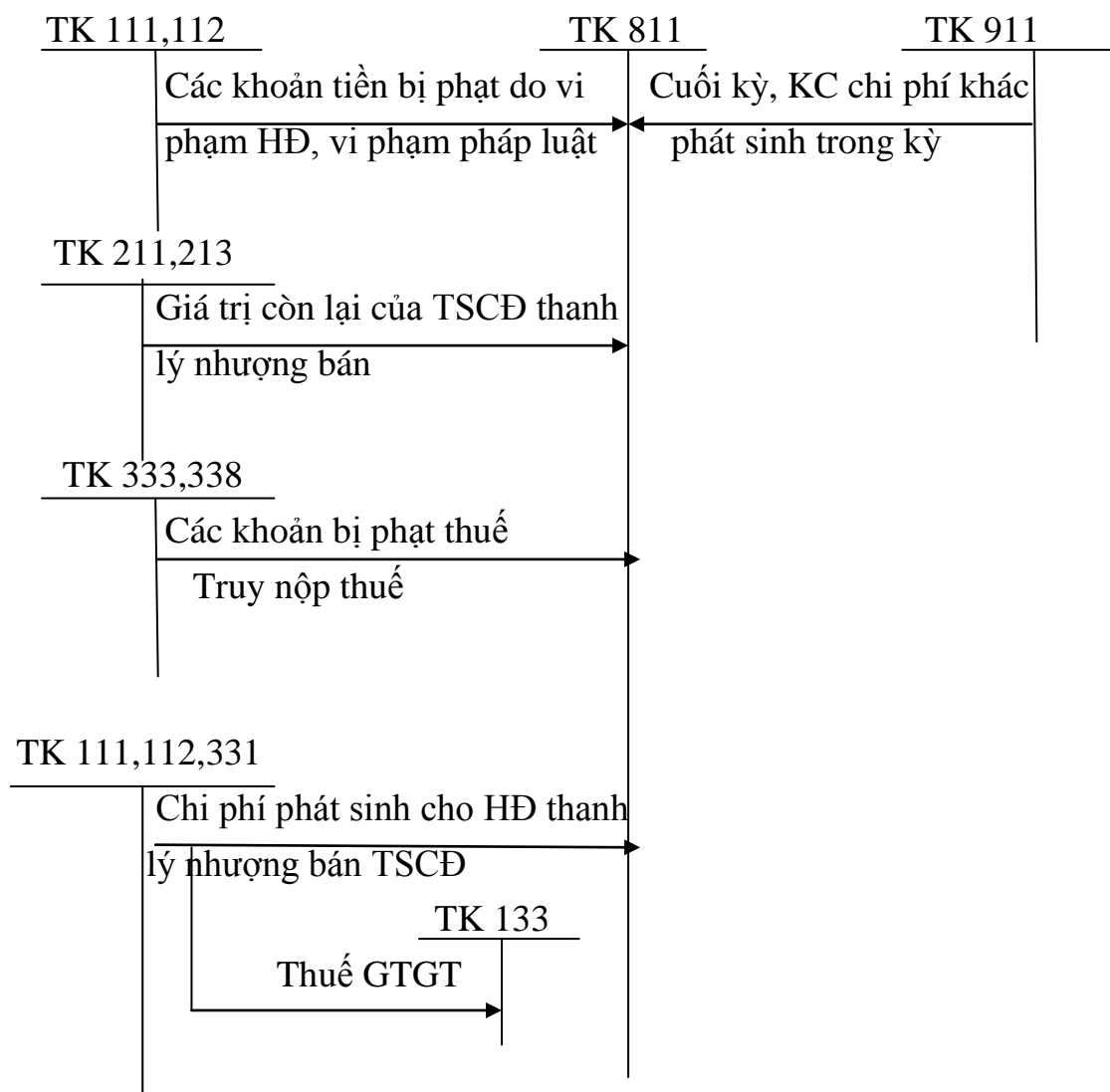
TK 811

Bên nợ	Bên có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có



TK 811 không có số dư

1.2.5.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Các bút toán kết chuyển
 - Các chứng từ có liên quan
- ✓ Sổ sách sử dụng
 - CTGS, sổ đăng ký CTGS
 - Sổ cái TK 911

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

TK 911 “xác định kết quả kinh doanh” dùng để hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong 1 kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện thông qua số tiền lãi, lỗ trong 1 kỳ kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Lợi nhuận} = \text{LN hđsxkd} + \text{LN hđtc} + \text{LN hđ khác}$$

- $\text{LN hđsxkd} = \text{DT thuần} - \text{GV} - \text{CPBH} - \text{CPQLDN}$
- $\text{DT thuần} = \text{DT bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ DT}$
- $\text{LN hđtc} = \text{DT hđtc} - \text{CP hđtc}$
- $\text{LN hđ khác} = \text{TN khác} - \text{CP khác}$

❖ Nguyên tắc phân phối lãi.

Kết quả hoạt động kinh doanh được phân phối như sau:

- ✓ Nếu lãi : được phân phối theo trình tự sau.
 - Bù lỗ những năm trước nếu có.
 - Xác định thuế TNDN phải nộp vào NSNN
 - Bù lỗ quá thời gian quy định
 - Trừ các khoản chi phí không được tính vào chi phí không hợp lệ mà DN đã chi trong kỳ.
 - Phân phối các quỹ theo quy định
 - Chia lãi cho các bên góp vốn.
- Kết cấu tài khoản

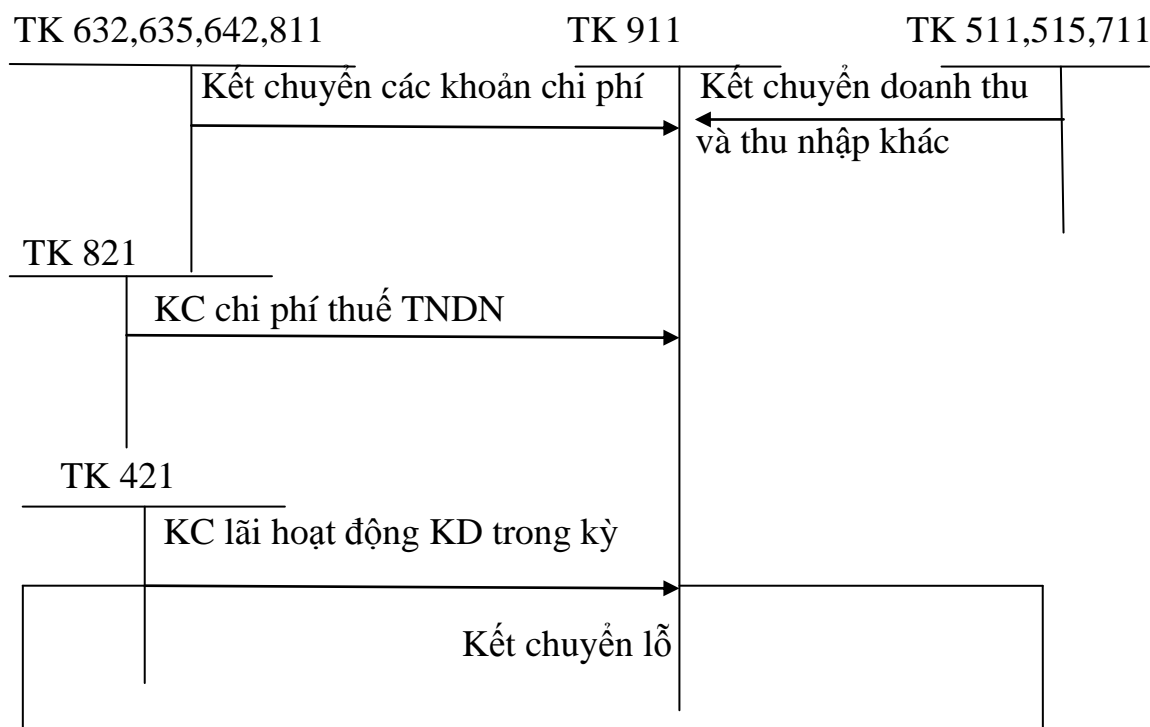
TK 911

Bên nợ	Bên có
- GVHB thực tế đã tiêu thụ -CPQLKD -Chi phí tài chính -Chi phí khác -Chi phí thuế TN -Lợi nhuận sau thuế	- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. -Doanh thu nội bộ -Doanh thu hoạt động tài chính -TN khác - Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có



TK 911 không có số dư

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh

1.3. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1 . Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại .

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM Á****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD
ĐÔNG NAM Á****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Công ty cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á là doanh nghiệp 100% vốn tư nhân được thành lập tại Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 0203002164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 23 tháng 3 năm 2006.

Tên tiếng anh là: dong nam a consul and designing constructive joint stock company

Tên công ty viết tắt : dna.c.dc.js.co

Địa chỉ : Số 65/05 Đà Nẵng, Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
Văn phòng GD 01: Số 68, phố mới Thủy Sơn, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng
ĐT: 031.3776137 – Fax: 031.3973018

Mã số thuế: 0200664417

Tài khoản: 017 704 060 003 023 – tại Ngân hàng Quốc Tế VIBank phòng giao dịch huyện Thủy Nguyên. Hoặc tài khoản: 601177 tại Ngân hàng VietBank- Chi nhánh Hải Phòng

Email: thietkexddongnama@gmail.com

Webside: kientrucdongnama.com

Người đại diện : Ông Đào Anh Hùng – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty

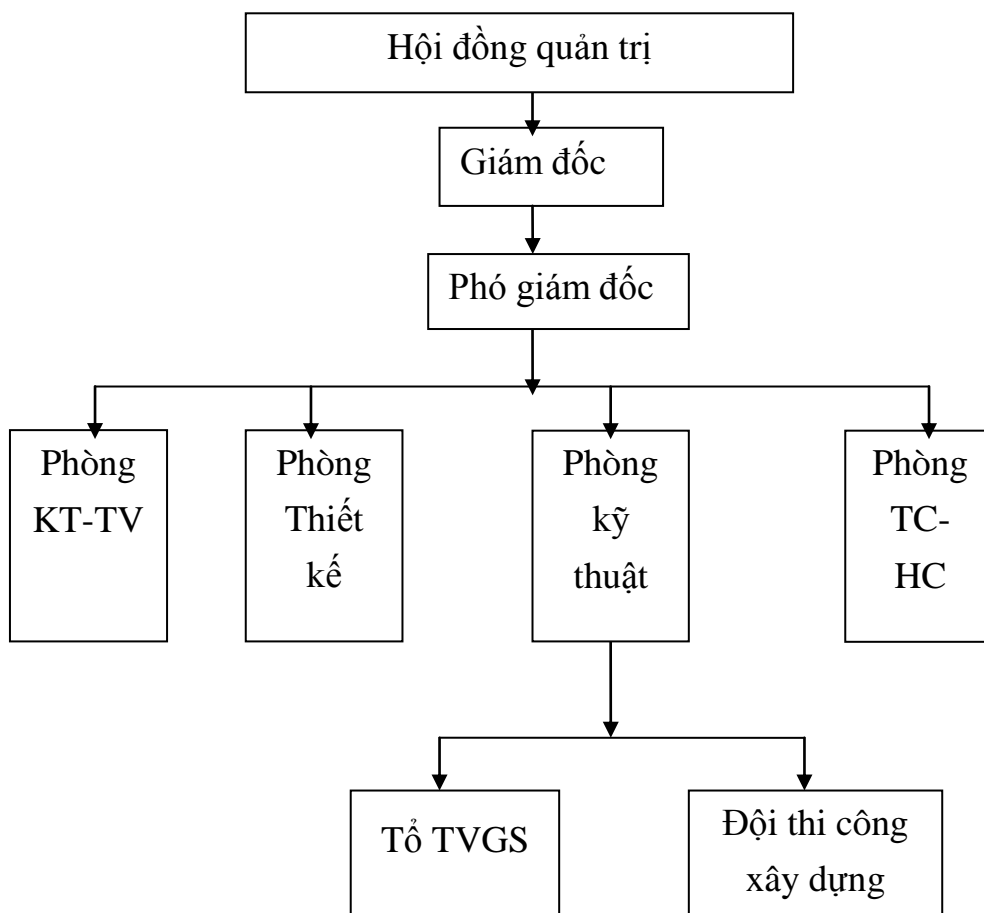
1. Hoạt động thiết kế chuyên dụng
2. Thẩm tra hồ sơ thiết kế kiến trúc công trình
4. Tư vấn lập dự án, quản lý xây dựng
5. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
6. Kinh doanh vật liệu xây dựng

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty

Cơ cấu tổ chức của công ty theo mô hình trực tuyến. Cơ quan cao nhất là hội đồng quản trị của công ty, công ty được điều hành trực tiếp bằng các giám đốc. các phòng làm việc trên cơ sở quy định cụ thể theo điều lệ công ty, sự lãnh đạo,

điều hành thông suốt liên hoàn giữa các phòng. Quyết định của các phòng này là cơ sở quyết định của các phòng khác. Như vậy mối quan hệ giữa các phòng bên cạnh là sợi dây vô hình để kết nối các phòng thành một thể thống nhất nó còn là sự phân công chức năng, nhiệm vụ có sự hỗ trợ đã được quy định cụ thể của công ty.

2.1.3.1.Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty

Chú ý : → Quan hệ chỉ đạo

2.1.3.2.Chức năng, nhiệm vụ các bộ phận:

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan cao nhất của công ty, quyết định phương án sản xuất kinh doanh, phương án tổ chức, cơ chế hoạt động của công ty.

Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc là người đứng đầu công ty và thay mặt công ty thực hiện các hoạt động giao dịch bên trong và bên ngoài công ty. Giám đốc cũng là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trước hội đồng thành viên. Giám đốc trực tiếp điều hành mọi hoạt động cũng như uỷ quyền công việc cho phó giám đốc và các phòng ban chức năng.

Phó giám đốc

Phó giám đốc hoạt động theo sự phân công của Giám đốc, chỉ đạo các phòng ban chức năng, tham mưu cho giám đốc về các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Phó giám đốc cũng là người được giám đốc uỷ quyền thực hiện một số công việc nhất định khi giám đốc vắng mặt.

Phòng kế toán- tài vụ

Phòng có trách nhiệm quản lý mọi hoạt động tài chính, công tác kế toán và thông tin kịp thời các giữ liệu tài chính giúp Ban Giám Đốc sử dụng và quản lý vốn có hiệu quả, đảm bảo nhu cầu vốn và vòng quay vốn nhanh, có quyết định kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí sản xuất theo chế độ quy định của Nhà Nước.

Phòng thiết kế

Chịu trách nhiệm điều hành và quản lý công việc được công ty giao như: thiết kế công trình xây dựng, tư vấn, giám sát công trình xây dựng.

Tham mưu cho lãnh đạo công ty về công tác thiết kế và giám sát công trình.

Phòng kỹ thuật

Tham mưu cho Giám đốc quản lý các lĩnh vực sau: Công tác quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng, quản lý Vật tư, thiết bị, quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại các dự án, soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công kiểm định chất lượng thi công, chất lượng công trình và Soát xét trình duyệt hồ sơ hoàn công công trình

Phòng tổ chức hành chính

Giải quyết các thủ tục về việc hợp đồng lao động, tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi việc đối với cán bộ công nhân.

Nghiên cứu, đề xuất các phương án cải tiến tổ chức quản lý, sắp xếp cán bộ, công nhân cho phù hợp với tình hình phát triển sản xuất-kinh doanh.

Bộ phận thi công

Lập kế hoạch, phương án thi công công trình ban giám đốc phê duyệt

Triển khai thi công công trình đúng tiến độ

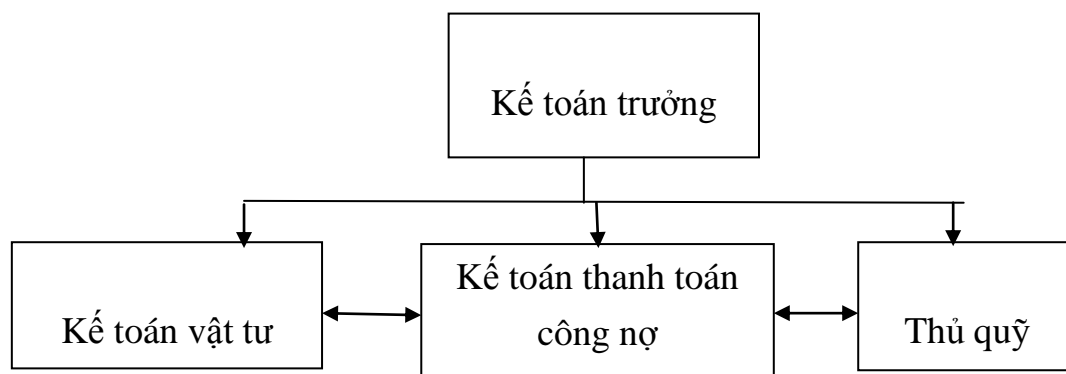
Quản lý chỉ đạo thực hiện kế hoạch các công việc, lao động, kỹ thuật và vật tư

Tổ tư vấn giám sát

- Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình
- Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình
- Tư vấn, giải đáp thắc mắc cho khách hàng về các vấn đề liên quan tới xây dựng (thiết kế, vật liệu, thi công, hoàn thiện...)

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán

Ghi chú:

- > : Quan hệ quản lý chỉ đạo
- <— : Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ

a.Kế toán trưởng

- Kế toán trưởng là người điều hành kiểm tra toàn bộ công tác kế toán - tài chính của công ty, là người giúp giám đốc về mặt tài chính trong việc thu, chi, lập kế hoạch kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, lập các báo cáo tài chính theo mẫu biểu quy định, kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về công việc thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Hàng ngày kế toán trưởng xét duyệt và ký các loại chứng từ như: phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn bán hàng của toàn công ty do các bộ phận có trách nhiệm lập.

- Làm thống kê tổng hợp, báo cáo tổng hợp theo quy định. Gửi các báo cáo định kỳ cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b. Kế toán thanh toán công nợ

- Theo dõi tình hình công nợ phải thu về tiền bán các hàng hóa, dịch vụ để nhanh chóng thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Theo dõi tình hình các khoản nợ phải trả cho những nhà cung ứng vật tư hàng hóa cho công ty; những hợp đồng đã ký kết, tình hình thanh toán, quyết toán của các hợp đồng.

c. Kế toán vật tư

- Tổ chức hệ thống chứng từ cần tuân thủ các quy định về mẫu của Bộ Tài chính, thời gian lập, trình tự luân chuyển, bảo quản và lưu trữ chứng từ.

- Lập phiếu nhập xuất kho mỗi khi nhập hay xuất hàng hoá vào sổ chi tiết theo dõi nhập xuất tồn kho theo từng mặt hàng có trong kho

- Định kỳ (1 tháng) đối chiếu kiểm kê giữa kho và sổ theo dõi tồn kho. Sau khi kiểm kê phải có biên bản ghi lại đủ hay thiếu quy trách nhiệm để xử lý.

e. Thủ quỹ

- Có trách nhiệm giữ gìn và bảo quản tiền mặt tránh mất mát, hư hỏng xảy ra.

- Chịu trách nhiệm thu chi tiền khi sau khi đã kiểm tra và thấy rõ chứng từ có đủ điều kiện thu chi. Vào sổ quỹ hàng ngày và đối chiếu số dư với sổ.

- Theo dõi các nghiệp vụ phát sinh trên tài khoản tiền gửi ngân hàng của công ty.

2.1.4.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

Công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng Đông Nam Á là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ do vậy công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006.

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng

- Chế độ kế toán áp dụng : Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

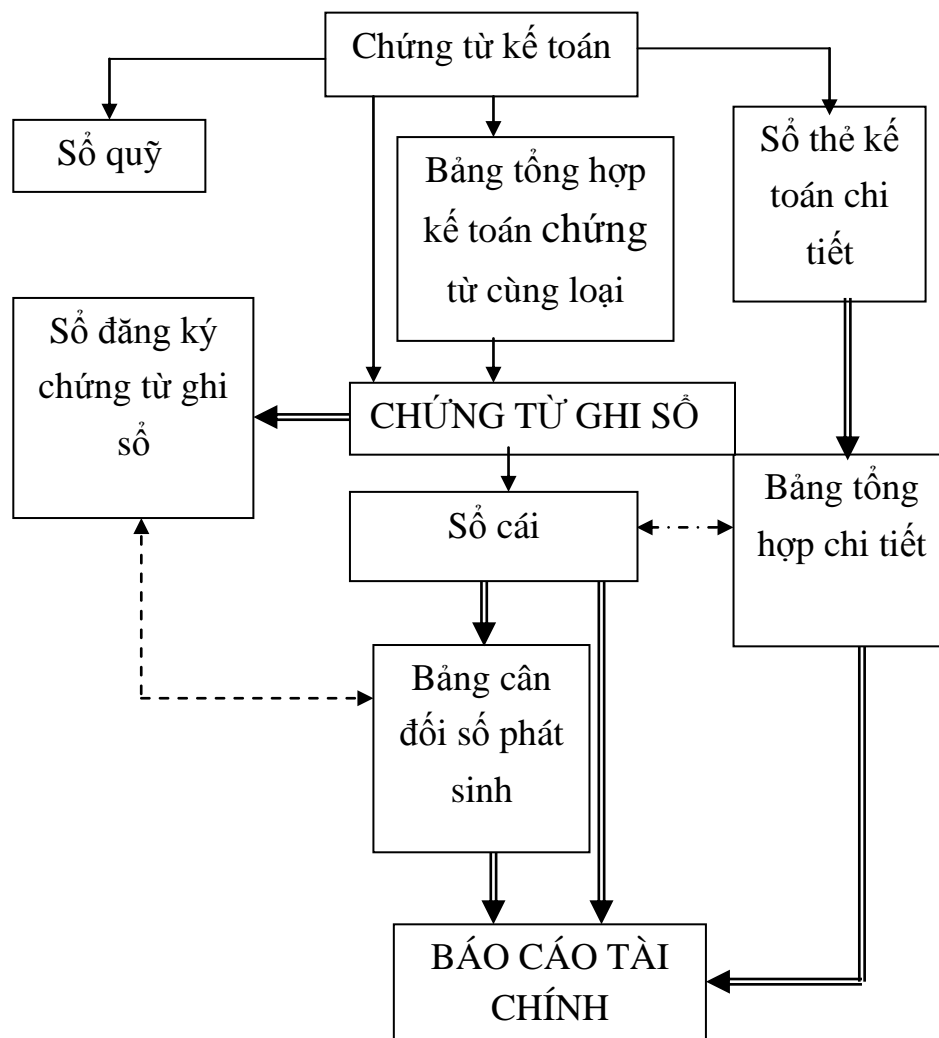
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận giá trị hàng nhập kho xuất kho theo giá gốc

+ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: theo phương pháp bình quân liên hoàn.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ - ghi sổ

(1)- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ

ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ để ghi Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan

(2)- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3)- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Nội dung của doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Đối với một doanh nghiệp, bán hàng hóa là khâu cuối cùng của một vòng chu chuyển vốn, là quá trình chuyển đổi tài sản từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ. Bán hàng có ý nghĩa vô cùng quan trọng, quyết định thành bại, là quá trình thực hiện lợi nhuận - mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.

Hiện nay, Công CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp.

Doanh thu của công ty chủ yếu thu từ nguồn:

- Thi công các công trình xây dựng (công trình Nhà nước, nhà ở...)
- Tư vấn (bản thiết kế, nội ngoại thất...)
- Khảo sát kỹ thuật, thẩm định dự án
- Bán vật tư xây dựng

Các phương thức thanh toán chủ yếu mà công ty thường áp dụng:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng: hình thức này được áp dụng khi khách hàng của Công ty là khách hàng mới, khách hàng không thường xuyên. Phương thức này giúp Công ty thu hồi vốn nhanh đồng thời tránh được tình trạng bị chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: hình thức này được áp dụng đối với những khách hàng thường xuyên của Công ty và đã có uy tín với Công ty. Phương thức này thì Công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn và đây cũng là một điểm hạn chế trong khâu tiêu thụ và thanh toán của Công ty.

2.2.1.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT ,Phiếu kế toán ,Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng , Phiếu thu

- Các chứng từ khác có liên quan.

✓ Sổ sách sử dụng

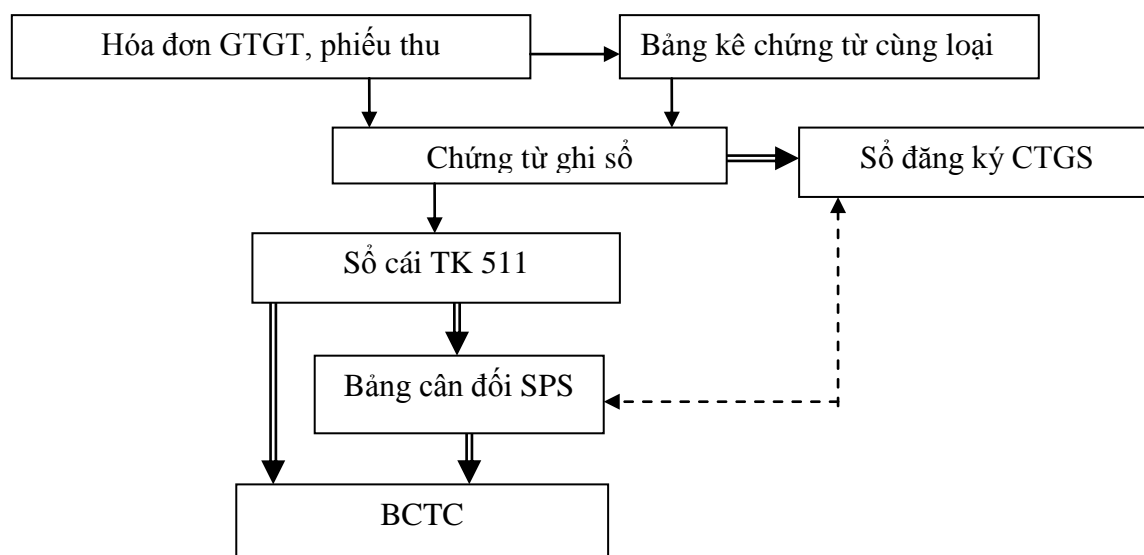
- Bảng kê chứng từ cùng loại,CTGS, sổ đăng ký CTGS, Sổ cái TK 511

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

✓ Tài khoản sử dụng

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng

Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.-.->

2.2.1.4. Ví dụ minh họa

Ngày 27/12/2013, công ty bán cát, đá 1×2 cho anh Nguyễn Thái Công trị giá 18.216.000 đồng

Kế toán đã lập HĐGTGT số 0001012, PT 19

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0001012, kế toán đã lập CTGS số 01/12

Từ CTGS 01/12 kế toán đã ghi sổ cái TK511, 131

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/11P		
Ngày 27 tháng 12 năm 2013			Số: 0001012		
Đơn vị bán: CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á					
Mã số thuế: 0200664417					
Địa chỉ: số 65/05-Đà Nẵng-Núi Đèo-TN-HP					
Điện thoại: 0313.776137-0310.669868 fax: 0313.973018					
Số tài khoản:.....					
Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Thái Công					
Tên đơn vị:					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: xã Trung Hà-Thủy Nguyên-Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát	M ³	45	230.000	10.350.000
2	Đá 1×2	M ³	30	207.000	6.210.000
Cộng tiền hàng:					16.560.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		1.656.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					18.216.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên) tên)		người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ	

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 00001012

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng-Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỢ TK 131

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK		Nợ TK 131
Số	NT		511	3331	
0001004	17/12	Thiết kế KT trại giam XN	26.106.251	2.610.625	28.716.876
0001006	22/12	Thi công nhà bảo vệ BHXH	75.040.000	7.504.000	82.544.000
0001008	23/12	Thẩm tra hồ sơ thiết kế	2.390.909	239.091	2.630.000
0001009	23/12	Thẩm tra hồ sơ thiết kế	2.540.000	254.000	2.794.000
0001011	23/12	Thẩm tra hồ sơ thiết kế	2.911.818	291.182	3.203.000
0001012	27/12	Bán hàng cho NguyễnThái Công	16.560.000	1.656.000	18.216.000
0001013	28/12	Bán hàng cho cty XD Phong Lan	17.100.000	1.710.000	18.810.000
0001014	29/12	Bán hàng cho cty XD Phong Lan	17.480.000	1.748.000	19.228.000
Tổng cộng			160.128.978	16.012.898	176.141.876

Biểu số 2.2: Bảng kê chứng từ Nợ TK 131

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Địa chỉ: số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Bán hàng chưa thu tiền	131	511	160.128.978	
	131	3331	16.012.898	
Cộng			176.141.876	

Kèm theo 06 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.3: Chứng từ ghi sổ số 01/12

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Địa chỉ: số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/12	31/12	176.141.876
02/12	31/12	2.267.379.969
.....
.....
18/12	31/12	2.710.798
Cộng tháng 12		14.445.946.965
Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Ngày .31...tháng .12...năm ..2013..

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng – Núi Đèo – TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>			
31/12	01/12	31/12	Bán hàng chưa thu tiền khách hàng	131		160.128.978
31/12	02/12	31/12	Doanh thu thu bằng TGNH	112		1.525.682.000
31/12	04/12	31/12	Doanh thu thu bằng TM	111		100.263.469
31/12	16/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	1.786.074.447	
			<i>Cộng phát sinh</i>		1.786.074.447	1.786.074.447
			<u>Số dư cuối tháng</u>			-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng – Núi Đèo – TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: 131

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>		<u>46.128.040</u>	
31/12	01/12	31/12	Bán hàng chưa thu tiền	511	160.128.978	
31/12	01/12	31/12	Thuế GTGT	3331	16.012.898	
31/12	02/12	31/12	Thu tiền bằng TGNH	112		88.377.000
31/12	04/12	31/12	Thu tiền bằng TM	111		56.254.000
			<u>Cộng phát sinh</u>		<u>176.141.876</u>	<u>144.631.000</u>
			<u>Số dư cuối tháng</u>		<u>77.638.916</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6 : Sổ cái TK 131

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Nội dung kế toán giá vốn hàng bán tại công CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Hiện tại, để tính giá vốn hàng xuất bán, công ty sử dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá vốn của vật tư. Riêng đối với các chi phí liên quan đến việc cung cấp, vận chuyển vật tư khi phát sinh các chi phí liên quan đến dịch vụ làm cho khách hàng nào kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT của chi phí đấy để hạch toán thẳng vào giá vốn.

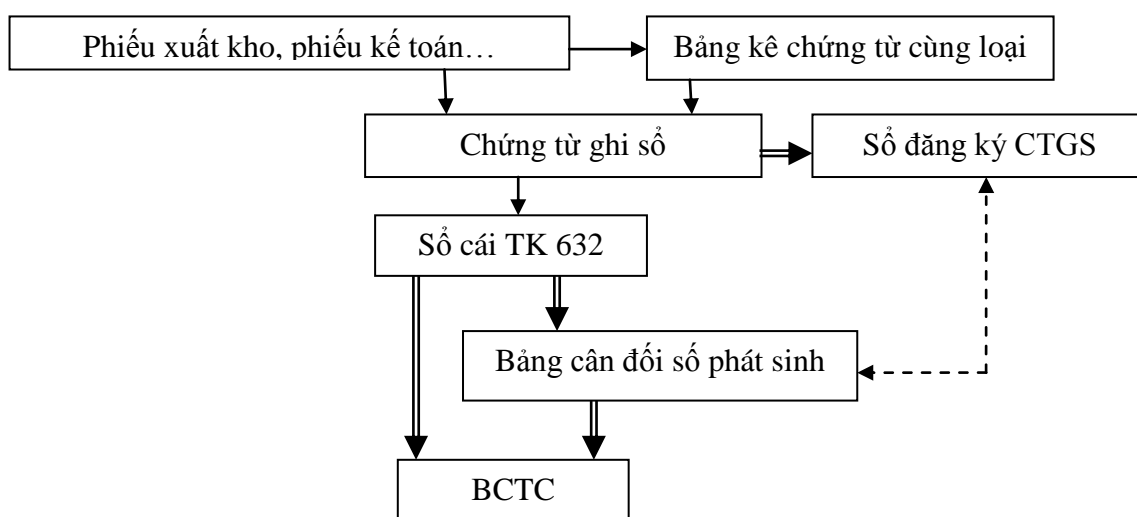
$$\text{Đơn giá bình quân Sau mỗi lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng thực tế HTK sau lần nhập thứ } i}$$

2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ sử dụng
- Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho, Phiếu kế toán
- ✓ Sổ sách sử dụng
- Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, Sổ đăng ký CTGS, Sổ cái TK 632

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

- ✓ Tài khoản sử dụng: TK 632- Giá vốn hàng bán
- ✓ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.5 : Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇔
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ← · · · →

2.2.2.4. Ví dụ minh họa

Ngày 27/12/2013 bán đá 1×2 và cát cho anh Nguyễn Thái Công theo hóa đơn số 00001012, tổng giá bán chưa thuế là 16.560.000 đồng. Khách hàng chưa thanh toán.

Trị giá vốn là : 15.019.845đồng.

Kế toán đã lập phiếu xuất kho số 28/12. Từ đó đã tiến hành ghi bảng kê chứng từ Nợ TK 632, CTGS số 13/12, sổ đăng ký CTGS và sổ cái TK 632.

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á Số65/05/Đà Nẵng-Núi Đèo- TN- HP				Mẫu số S01 – VT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 27 tháng 12 năm 2013							
Số: 28/12							
Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thái Công							
Lý do xuất kho : bán cát, đá 1×2							
Xuất tại kho: Kho công ty							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	D	E	F	1	2	3	4
1	Cát		M ³	45	45	202.543	9.114.435
2	Đá 1×2		M ³	30	30	196.847	5.905.410
	Cộng						15.019.845
Tổng số tiền viết bằng chữ: <i>mười lăm triệu không trăm mười chín nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng</i> .							
Số chứng từ gốc kèm theo: 01							
Ngày 27 tháng 12 năm 2013							
Người lập phiếu (Ký, họ tên)		Người giao hàng (Ký, họ tên)		Thủ kho (ký,họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 28/12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Mẫu số S02a-DNN

Số 65/05-Đà Nẵng – Núi Đèo – TN – HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÙNG LOẠI (NỢ TK 632)

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có các TK		Nợ TK 632
SH	NT		156	154	
PX01/12	5/12	Xuất kho bán cho cty Hoàng Hoa	37.741.515		37.741.512
PX05/12	7/12	GV thẩm tra hồ sơ TK kênh lộ 2 huyện Tiên Lãng		2.000.000	2.000.000
PX07/12	9/12	GV công trình thi công trường tiểu học Hoa Động		789.360.000	809.360.000
PX08/12	9/12	Xuất kho bán cho cty Tân Hà	75.326.485		75.326.485
PX15/12	17/12	GV thiết kế kỹ thuật trại giam Xuân Nguyên		25.000.000	25.000.000
PX17/12	18/12	Xuất kho bán cho cty Nam Sơn	86.932.000		86.932.000
PX21/12	22/12	GV thẩm tra hồ sơ TK kênh lộ 6 huyện Tiên Lãng		2.140.000	2.140.000
PX22/12	25/12	GV thẩm tra hồ sơ TK kênh lộ 7 huyện Tiên Lãng		2.500.000	2.500.000
PX28/12	27/12	Xuất kho bán cho Nguyễn Thái Công	15.019.845		15.019.845
PX29/12	28/12	GV công trình nhà BV BHXH bàn giao		65.516.975	65.516.975
PX30/12	28/12	GV công trình KDBĐ bàn giao		415.889.537	415.889.537
PX31/12	28/12	Xuất kho bán cho cty XD Phong Lan	17.145.000		17.145.000
PX32/12	29/12	Xuất kho bán cho cty XD Phong Lan	17.526.000		17.526.000
		Tổng cộng	249.690.845	1.331.406.512	1.581.097.357

Biểu số 2.8: Bảng kê chứng từ cùng loại (Nợ TK 632)

Đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Địa chỉ: số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 13/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất bán NVL	632	156	249.690.845	
Cộng			249.690.845	

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.9: Chứng từ ghi sổ số 13/12

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
 Địa chỉ: số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ
 Tháng 12/2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/12	31/12	176.141.876
.....
.....
13/12	31/12	249.690.845
.....
18/12	31/12	2.710.798
Cộng tháng		14.445.946.965
Cộng lũy kế từ đầu quý		

-Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày .31...tháng .12...năm ..2013..

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05 – Đà Nẵng–Núi Đèo– TN– HP

Mẫu S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

NT GS	CT GS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
31/12	13/12	31/12	Giá vốn NVL xuất bán	156	249.690.845	
31/12	14/12	31/12	GV của công trình hoàn thành và thẩm tra dự án	154	1.331.406.512	
31/12	17/12	31/12	Kc GVHB	911		1.581.097.357
			Cộng phát sinh		1.581.097.357	1.581.097.357
			Số dư cuối tháng		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 632

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

2.2.3.1. Nội dung kế toán quản lý kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty gồm các khoản: chi phí nhân viên quản lý và kinh doanh, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

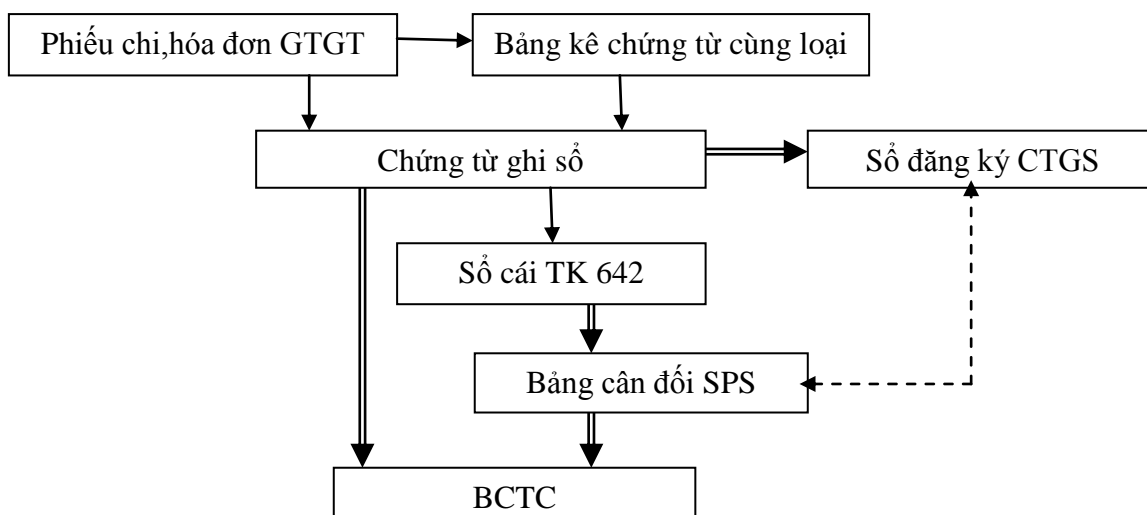
2.2.3.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ sử dụng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường ,Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương ,Bảng trích khấu hao tài sản cố định, Phiếu chi...

- ✓ Sổ sách sử dụng
- Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ đăng ký CTGS, Sổ cái TK 642

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

- ✓ Tài khoản sử dụng: TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh
- TK 642 gồm 2 tài khoản cấp 2 là:
- TK 6421- Chi phí bán hàng
 - TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ✓ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ← · · · · →

2.2.3.4. Ví dụ minh họa

Ngày 14 /12/2013, phát sinh khoản tiền 74.000 đồng dùng để phô tô hồ sơ BCKTKT đường liên xã Kênh Giang-Mỹ Đồng. Kế toán đã ghi PC 161. Khoản chi phí này tính vào CP quản lý kinh doanh.

Kế toán đã lập bảng kê chứng từ cùng loại(Nợ TK 642), ghi CTGS số 08/12., sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 642

<p>CÔNG TY CP Tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p>		
<p>Số 65/05- Đà Nẵng-Núi Đèo- TN- HP</p>	<p>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</p>		
<p>PHIẾU CHI</p>	<p>Quyển số 01/2013 Số 161 Nợ TK:642 Có TK:111</p>		
<p>Ngày : 14-12-2013</p>			
<p>Họ tên người nộp: Nguyễn Thị Hòa</p>			
<p>Địa chỉ: Phòng kế toán- tài vụ</p>			
<p>L ý do : Phô tô hồ sơ BCKTKT đường liên xã Kênh Giang-Mỹ Đồng</p>			
<p>Số tiền: 74.000 VNĐ</p>			
<p>Bằng chữ: Bảy mươi bốn nghìn đồng chẵn</p>			
<p>Kèm theo: 01 chứng từ gốc</p>			
<p><i>Ngày 14 tháng 12 năm 2013</i></p>			
<p>Giám đốc</p>	<p>Kế toán</p>	<p>Người nộp tiền</p>	<p>Thủ Quỹ</p>

Biểu số 2.12: Phiếu chi số 161

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 95/05- Đà Nẵng-Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH (NỢ TK 642)

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có các TK					Nợ TK 642	
Số	NT		334	214	111	112	153		338
PC 157	08/12	Trả tiền điện thoại VP			1.105.856				1.105.856
PC 160	14/12	Phô tô hồ sơ dự toán nhà BVBHXH			18.000				18.000
PC 161	14/12	Phô tô hồ sơ BCKTKT			74.000				74.000
0001578	14/12	Thu phí dịch vụ chuyển khoản				10.000			10.000
0001579	14/12	Thu phí dịch vụ chuyển khoản				10.000			10.000
PC 163	15/12	Phô tô hồ sơ dự toán PS			15.000				15.000
PC 165	20/12	Thanh toán tiền điện thoại			355.056				355.056
PC 166	21/12	Thanh toán tiền sửa máy tính			967.727				967.727
PC 167	24/12	Phô tô hồ sơ CT Nhà thi đấu TT			37.000				37.000
PC 168	25/12	Thanh toán tiền in lịch năm mới			7.400.000				7.400.000
PC 170	26/12	Thanh toán tiền điện thoại			88.207				88.207
PC 171	26/12	Mua mực dấu			40.000				40.000
0007061	31/12	Thu phí dịch vụ ngân hàng				30.000			30.000
BTKH	31/12	Chi phí khấu hao bộ phận QLKD		16.216.150					16.216.150
BPB	31/12	Phân bổ CCDC					500.000		500.000
BTL	31/12	Tính tiền lương phải trả CBCNV	62.928.000						62.928.000
BTL	31/12	Trích các khoản theo lương vào CP						8.038.040	8.038.040
		Tổng cộng	62.928.000	16.216.150	10.100.846	50.000	500.000	8.038.040	97.833.036

Biểu số 2.13: Bảng kê chứng từ Nợ TK 642

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
 Địa chỉ: số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 08/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt tháng 12	112	111	19.000.000	
	133	111	3.816.867	
	154	111	30.298.318	
	311	111	2.350.000.000	
	334	111	59.292.143	
	642	111	10.100.846	
Cộng			2.472.508.174	

Kèm theo 24 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.14: Chứng từ ghi sổ số 08/12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh
Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng</u>		-	
31/12	05/12	31/12	Chi phí khấu hao bộ phận QLKD	214	16.216.150	
31/12	06/12	31/12	Lương của CBCNV	334	62.928.000	
31/12	06/12	31/12	Phân bổ CCDC	153	500.000	
31/12	07/12	31/12	Trích các khoản theo lương vào CP	338	8.038.040	
31/12	08/12	31/12	Chi tiền mặt	111	10.100.846	
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển CP QLKD	911		97.833.036
			<u>Cộng phát sinh</u>		97.833.036	97.833.036
			<u>Số dư cuối tháng</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Sổ cái TK 642

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

2.2.4.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

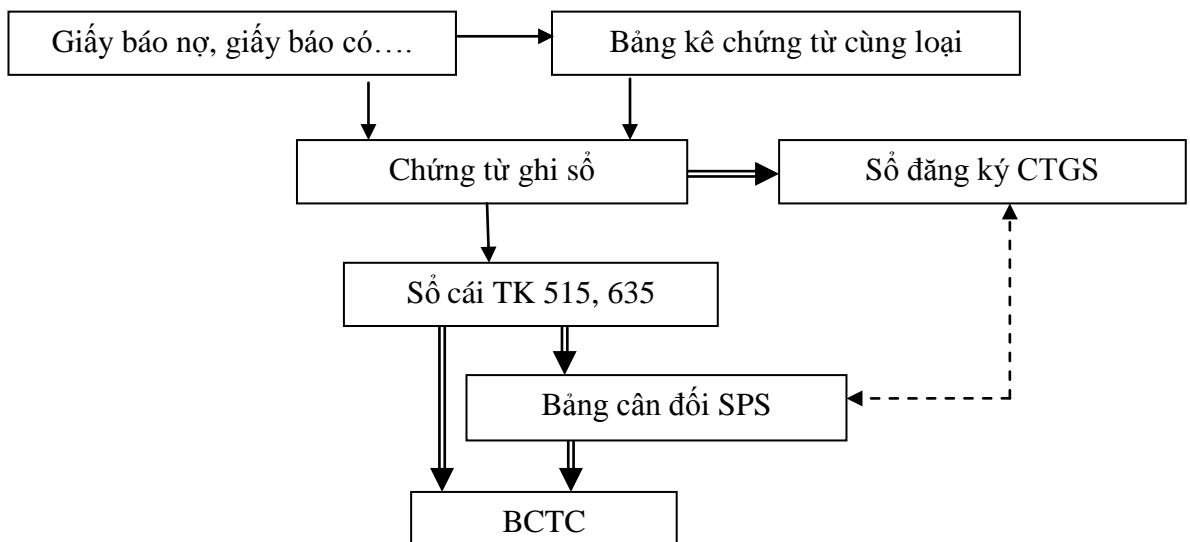
- TK 515-Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản lãi từ tiền gửi ngân hàng.
- TK 635-Chi phí hoạt động tài chính là các khoản lãi vay.Tại công ty lãi vay từ Ngân hàng và các tổ chức cá nhân,.

2.2.4.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo có, giấy báo nợ; Sổ phụ ngân hàng
 - Phiếu thu (mẫu số 01-TT), phiếu chi (mẫu số 02-TT); Các chứng từ khác
- ✓ Sổ sách sử dụng
 - Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 515,635

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng và trình tự hạch toán

- ✓ Tài khoản sử dụng:
 - TK 515 -Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635 -Chi phí hoạt động tài chính
- ✓ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Ngày 25/12/2013, công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng TMCP Thương Tín về khoản lãi nhập vốn, số tiền là 500.695 đồng.

Kế toán đã lập bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS số 02/12, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 515

NHTMCP VIET NAM THUONG TIN						
Chi nhanh: VIETBANK CN HAPHONG						
<table border="1" style="margin: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 5px;">GIAY BAO CO</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">Ngày 25-12-2013</td> </tr> </table>	GIAY BAO CO	Ngày 25-12-2013	<table border="1" style="margin: auto; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 5px;">M GDV:</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">Ma KH: 1754</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">So GD:</td> </tr> </table>	M GDV:	Ma KH: 1754	So GD:
GIAY BAO CO						
Ngày 25-12-2013						
M GDV:						
Ma KH: 1754						
So GD:						
<p>Kính gửi: CTY CP TU VAN & THIET KE XD DONG NAM A</p> <p>Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CO tại khoản của quý khách với nội dung như sau</p> <p>So tài khoản ghi CO : 601177</p> <p>So tiền bàng so 500.695.00</p> <p>So tiền bàng chu : NAM TRAM NGHIN SAU TRAM CHIN MUOI LAM DONG CHAN</p> <p>Nội dung : LAI NHAP VON</p> <p>Giao dịch viên Kiểm soát</p>						

Biểu số 2.16: Giấy báo có số 26

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á		Mẫu số S02a-DNN		
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CÓ TK 515				
Tháng 12/2013				
Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK	Có TK 515
SH	NT		112	
GBC 25	25/12/2013	Lãi nhập vốn TK NH VIB	252.074	252.074
GBC 26	25/12/2013	Lãi nhập vốn TK NH Vietbank	500.695	500.695
		Cộng	752.769	752.769

Biểu số 2.17: Bảng kê chứng từ Có TK 515

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP		Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ Số 02/12 Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền gửi	112	515	752.769	
	112	131	88.377.000	
	112	711	454.545.455	
	112	511	1.525.682.000	
	112	3331	198.022.745	
Cộng			2.267.379.969	
Kèm theo 06 chứng từ gốc <div style="text-align: right;"><i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i></div>				

Biểu số 2.18: Chứng từ ghi sổ số 02/12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Mẫu số S02c1-DNN

Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>			-
31/12	02/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112		752.769
31/12	16/12	31/12	Kết chuyển doanh thu TC	911	752.769	
			<i>Cộng phát sinh</i>		752.769	752.769
			<u>Số dư cuối tháng</u>			-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 515

Ví dụ 2:

Ngày 25/12/2013, công ty chuyển khoản nợ vay số tiền 47.440.000 đồng để trả nợ vay dài hạn, trong đó, công ty trả lãi vay 7.440.000 đồng.

Kế toán đã lập bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS số 03/12, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 635

NH TMCP VIETNAM THUONG TIN		
Chi nhánh VIETBANK CN HAI PHONG		So GD
		Ma GDV
PHIEU CHUYEN KHOAN NO VAY		Lien : 1
25-12-2013		
Ho va ten nguoi nop		CMT
Chu tai khoan: CTY CP TU VAN & THIET KE XD DONG NAM A		So TK:1256347
Ma KH: 1754		So HD; KUNN
So tien : Bang so 47.440.000.00 VND		SO 01-145/
Bang chu: BON MUOI BAY TRIEU BON TRAM BON MUOI		So TK d/u
NGAN DONG CHAN		
Ghi chu: Tra von : 40.000.000.00		
Tra lai :7.440.000.00		
Tra phat : 0.00		
Tra du : 0.00		
Tra khac : 0.00		
Noi dung: thu tien vay- von: 40000000 –lãi: 7440000-trich Acct TGTT 601177		
Giao dich vien		Kiem soat

Biểu số 2.20: Phiếu chuyển khoản nợ vay số 12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỢ TK 635

Tháng 12/2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 112	Nợ TK 635
SH	NT			
PCKNV11	03/12/2013	Trả lãi NH Vietbank	8.680.000	8.680.000
PCKNV12	25/12/2013	Trả lãi NH Vietbank	7.440.000	7.440.000
		Cộng	16.120.000	16.120.000

Biểu số 2.21: Bảng kê chứng từ Nợ TK 635

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền gửi	341	112	40.000.000	
	635	112	16.120.000	
	642	112	50.000	
	331	112	10.000.000	
Cộng			66.170.000	

Kèm theo 06 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.22: Chứng từ ghi sổ số 03/12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>			
31/12	3/12	31/12	Trả lãi tiền vay	112	16.120.000	
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		16.120.000
			<i>Cộng phát sinh</i>		16.120.000	16.120.000
			<u>Số dư cuối tháng</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Sổ cái TK 635

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.5.1. Nội dung kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

TK 811-Chi phí khác:Là những khoản chi phí bất thường xảy ra trong doanh nghiệp như:chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ,các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng,các khoản nhầm lẫn do kế toán...

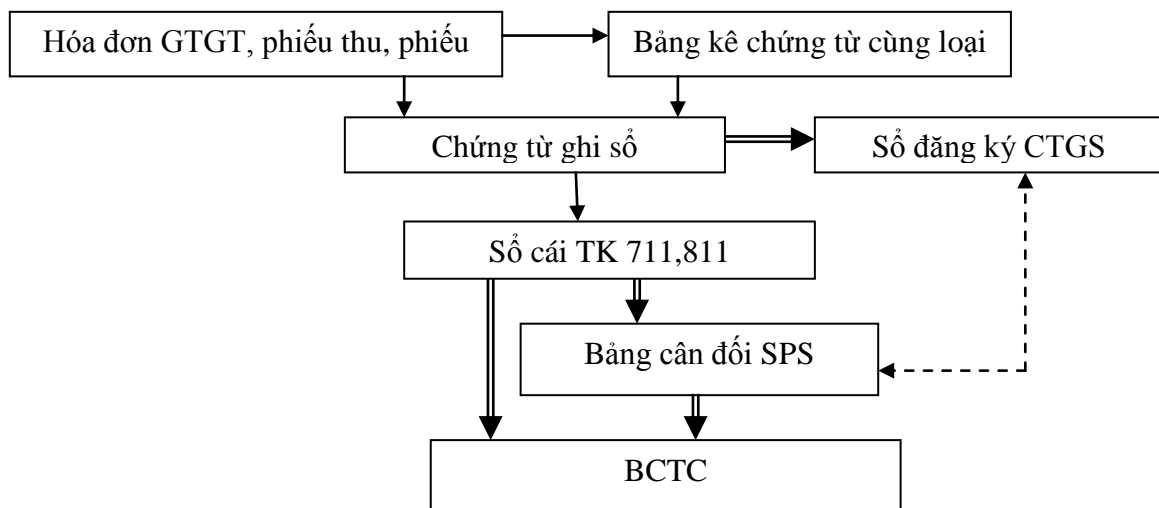
TK 711-Thu nhập khác là những khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài hoạt động tạo ra doanh thu như:thu về thanh lý nhượng bán,thu phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,thu bồi thường bảo hiểm

2.2.5.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ sử dụng :
 - Biên bản thanh lý TSCĐ ;Hóa đơn GTGT ; Phiếu thu ; Phiếu chi
- ✓ Sổ sách sử dụng
 - Bảng kê chứng từ cùng loại, CTGS, sổ Đăng ký CTGS, sổ cái TK 711,811

2.2.5.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

- ✓ Tài khoản sử dụng
 - TK 711-Thu nhập khác
 - TK 811-Chi phí khác
- ✓ Trình tự hạch toán



Sơ đồ 2.8 : Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇐⇐
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⇐- - ->

2.2.5.4. Ví dụ minh họa

Ngày 24/12/2013, công ty thanh lý xe ô tô CAMRY 5 chỗ ngồi. Nguyên giá là 1.025.358.909 đồng. Giá trị còn lại của xe này tính đến ngày thanh lý là 543.304.620 đồng. Bán cho công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tường & Bình với giá 500.000.000 đã bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty đã nhận tiền qua chuyển khoản.

Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ số BB/T12/06, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào CTGS số 15/12, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK811

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Mẫu số: 02 – TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 24 tháng 12 năm 2013

Số: BB/T12/06

Nợ: 214, 811.

Có: 211

Căn cứ Quyết định số: 06 ngày 24 tháng 12 năm 2013 của công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á về việc thanh lý TSCĐ.

I- Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông/Bà Đào Anh Hùng Chức vụ Giám đốc - Trưởng ban
- Ông/Bà Nguyễn Thị Thu Giang Chức vụ Kế toán trưởng- Ủy viên
- Ông/Bà Lưu Thị Phụng Chức vụ Nhân viên - Ủy viên

II- Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe ô tô CAMRY
- Số hiệu TSCĐ
- Nước sản xuất (xây dựng) : Việt Nam
- Năm sản xuất: 2009
- Năm đưa vào sử dụng : 4 năm Số thẻ TSCĐ.....
- Nguyên giá TSCĐ : 1.025.358.909
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý 482.054.289
- Giá trị còn lại của TSCĐ : 543.304.620

III- Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:

Xe ô tô CAMRY mới đưa vào sử dụng, cho đến nay có đủ khả năng thu hồi giá trị còn lại bằng việc thanh lý

Ngày 24 tháng 12 năm 2013..

Trưởng Ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV- Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ:(viết bằng chữ).....
- Giá trị thu hồi:viết bằng chữ)
- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 24 ...tháng .12..năm ...2013

Ngày ...24 tháng ..12..năm .2013...

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24 : Biên bản thanh lý TSCĐ

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02a- DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 15/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Ghi giảm TSCĐ	214	211	482.054.289	
	811	211	543.304.620	
Cộng			1.025.358.909	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.25: Chứng từ ghi sổ số 15/12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>		-	
31/12	07/12	31/12	Phạt nộp chậm BH	338	849.020	
31/12	15/12	31/12	Giá trị còn lại của TSCĐ	211	543.304.620	
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		544.153.640
			<i>Cộng phát sinh</i>		544.153.640	544.153.640
			<u>Số dư cuối năm</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26: Sổ cái TK 811

Sau khi phản ánh bút toán ghi giảm TSCĐ, kế toán tiến hành phản ánh bút toán ghi nhận khoản doanh thu từ việc thanh lý xe ô tô CAMRY . Căn cứ vào HĐ số 0001005, kế toán đã lập CTGS số 02/12, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 711

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/11P			
Ngày 24 tháng 12 năm 2013		Số: 0001005			
Đơn vị bán: CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á					
Mã số thuế: 0200664417					
Địa chỉ: số 65/05-Đà Nẵng-Núi Đèo-TN-HP					
Điện thoại: 0313.776137-0310.669868 fax: 0313.973018					
Số tài khoản:.....					
Họ và tên người mua hàng					
Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ và thương mại Tường & Bình					
Mã số thuế: 0200774917					
Địa chỉ: Số 4-Lê Thánh Tông-Ngô Quyền-HP					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xe ô tô 05 chỗ ngồi đã qua sử dụng , Việt Nam sản xuất năm 2009. Hiệu TOYOTA CAMRY SK RL4BE42KOA6007532 Biển số 16N-5668, màu đen	Chiếc	01		454.545.445
Cộng tiền hàng:					454.545.445
Thuế suất GTGT: 10% tiền thuế GTGT					45.454.545
Tổng cộng tiền thanh toán					500.000.000
Số tiền viết bằng chữ: năm trăm triệu đồng chẵn./					
Người mua hàng		người bán hàng		thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.27: Hóa đơn GTGT số 0001005

THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG

LỆNH CHUYỂN CỐ

Mã KS:HTTM2321

Số bút toán:00000013

Loại giao dịch: lệnh chuyển cố giá trị cao

Ngày giao dịch:24/12/2013

Số GD:10000518

Ngày,giờ nhận:24/12/2013

NH gửi: NH TMCP A Chau

15:42:51

NH nhận: NH TMCP Việt Nam Thương Tín

Mã NH: 31307002

Mã NH: 311356001

Người phát lệnh:CTY TNHH DV VA TM TUONG VA BINH

Địa chỉ/sô CMND:99646669

Tài khoản: Tại NH: 31307002- NH TMCP A Chau

Người nhận lệnh:CTY CP TU VAN VA THIET KE XD DONG NAM A

Địa chỉ/sô CMND:

Tài khoản: 601177 Tại NH: 31356001-NH TMCP Việt Nam thương tín

Mã số thuế:

Chương,loại, khoản mục:

Nội dung: CTY TNHH DV VA THUONG MAI TUONG VA BINH- NHAN TAI NH VIETBANK-HAI PHONG, THANH TOAN TIEN XE CAMRY 16N-5668-

Số tiền bằng số : 500.000.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm triệu đồng

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

CHỦ TÀI KHOẢN

Biểu số 2.28: Lệnh chuyển cố 12

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á		Mẫu S02a-DNN		
Địa chỉ: Số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
CHỨNG TỪ GHI SỔ				
Số 02/12				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền gửi	112	515	752.769	
	112	131	88.377.000	
	112	711	454.545.455	
	112	511	1.525.682.000	
	112	3331	198.022.744	
Cộng			2.267.379.969	
Kèm theo 06 chứng từ gốc				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				

Biểu số 2.29: Chứng từ ghi sổ số 02/12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Mẫu số S02c1-DNN

Số 65/05-Đà Nẵng – Núi Đèo – TN – HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>			-
31/12	02/12	31/12	Doanh thu thanh lý ô tô	112		454.545.455
31/12	16/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận khác	911	454.545.455	
			<i>Cộng phát sinh</i>		454.545.455	454.545.455
			<u>Số dư cuối tháng</u>			-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.30: Sổ cái TK 711

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

2.2.6.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Cuối năm kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, phí chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK 911.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có TK911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421. Trường hợp này gặp khi công ty kinh doanh bị lỗ.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK911 thì chứng tỏ rằng trong kỳ công ty kinh doanh có lãi. Lúc này, kế toán phải xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà Nước như sau:

Thu nhập chịu thuế = PS bên Có TK911 – PS bên Nợ TK 911

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập đã tạm nộp trong kỳ để tính ra số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp hay được ghi giảm.

Lợi nhuận chưa phân phối của công ty chính là phần còn lại của thu nhập chịu thuế sau khi trừ đi số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước và nó được thể hiện bằng bút toán kết chuyển sang bên Có TK 421

2.2.6.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Bút toán kết chuyển
- CTGS, sổ đăng ký CTGS, sổ cái TK 911, 821, 421

2.2.6.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

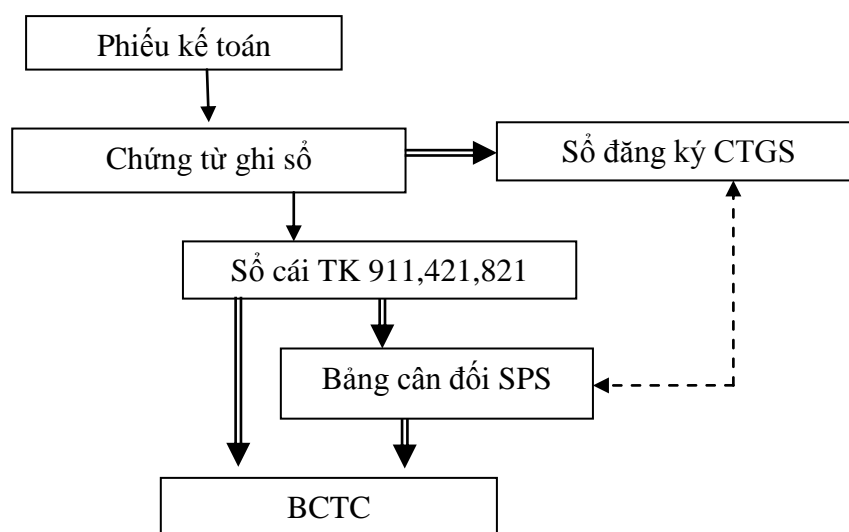
✓ Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

TK 821 – Chi phí thuế TNDN

✓ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh

Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-...->

2.2.6.4. Ví dụ minh họa

Xác định kết quả kinh doanh tháng 12/2013.

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển, lập các phiếu kế toán 20,21,22 và ghi các Chứng từ ghi sổ kết chuyển, sổ Đăng ký CTGS. Sau đó kế toán vào Sổ cái TK 911 ,TK 421, TK 821.

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á				
Địa chỉ: Số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 20				
Ngày 31/12/2013				
STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán BH và cung cấp DV	511	911	1.786.074.447
	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	752.769
	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	454.545.455
	Cộng			2.241.372.671
Người lập			Kế toán trưởng	

Biểu số 2.31 : Phiếu kế toán số 20

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Địa chỉ: Số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số 21
 Ngày 31/12/2013

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.581.097.357
	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	16.120.000
	Kết chuyển chi phí QLKD	911	642	97.833.036
	Kết chuyển chi phí khác	911	811	544.153.640
	Cộng			2.239.204.033

Người lập Kế toán trưởng

Biểu số 2.32: Phiếu kế toán số 21

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Địa chỉ: Số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP

PHIẾU KẾ TOÁN
 Số 22
 Ngày 31/12/2013

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	542.160
	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	542.160
	Kết chuyển lãi	911	421	1.626.478
	Cộng			2.710.798

Người lập Kế toán trưởng

Biểu số 2.33: Phiếu kế toán số 22

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Mẫu số S02a-DNN

Địa chỉ: Số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 16/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển	515	911	752.769	
	511	911	1.786.074.447	
	711	911	454.545.455	
Cộng			2.241.372.671	

Kèm theo 06 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.34: Chứng từ ghi sổ số 16/12

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Mẫu số S02a-DNN

Địa chỉ: Số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 17/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển	911	632	1.581.097.357	
	911	635	16.120.000	
	911	642	97.833.036	
	911	811	544.153.640	
Cộng			2.239.204.033	

Kèm theo 06 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Biểu số 2.35: Chứng từ ghi sổ số 17/12

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á Địa chỉ: Số 65/05- Đà Nẵng- Núi Đèo-TN-HP		Mẫu số S02a-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
<p>CHỨNG TỪ GHI SỔ Số 18/12 Ngày 31 tháng 12 năm 2013</p>				
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thuế TNDN phải nộp	821	3334	542.160	
KC thuế THDN	911	821	542.160	
KC LNST	911	421	1.626.478	
Cộng			2.710.798	
Kèm theo 01 chứng từ gốc				
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>				

Biểu số 2.36: Chứng từ ghi sổ số 18/12

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>		-	
31/12	16/12	31/12	Kết chuyển doanh thu BH	511		1.786.074.447
31/12	16/12	31/12	Kết chuyển doanh thu TC	515		752.769
31/12	16/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		454.545.455
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	1.581.097.357	
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển CPTC	635	16.120.000	
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	97.833.036	
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển CP khác	811	544.153.640	
31/12	18/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	542.160	
31/12	18/12	31/12	Kết chuyển lãi tháng 12	421	1.626.478	
			<i>Cộng phát sinh</i>		2.241.372.671	2.241.372.671
			<u>Số dư cuối tháng</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.37: Sổ cái TK 911

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối
Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>			<u>385.725</u>
31/12	18/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		1.626.478
			<i>Cộng phát sinh</i>			<i>1.626.478</i>
			<u>Số dư cuối tháng</u>			<u>2.012.203</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.38: Sổ cái TK 421

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02c1-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013
Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Số hiệu: 821

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>		-	
31/12	18/12	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	542.160	
31/12	18/12	31/12	KC chi phí thuế TNDN	911		542.160
			<i>Cộng phát sinh</i>		542.160	542.160
			<u>Số dư cuối tháng</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.39: Sổ cái TK 821

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Số 65/05-Đà Nẵng – Núi Đèo – TN – HP

Mẫu số S02b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2013

Chứng từ		Số tiền
SH	NT	
01/12	31/12	176.141.876
02/12	31/12	2.267.379.969
03/12	31/12	66.170.000
04/12	31/12	696.517.469
05/12	31/12	20.445.775
06/12	31/12	63.428.000
07/12	31/12	12.522.920
08/12	31/12	2.472.508.174
09/12	31/12	1.000.050.000
10/12	31/12	400.050.000
11/12	31/12	75.892.663
12/12	31/12	115.095.521
13/12	31/12	249.690.845
14/12	31/12	1.331.406.512
15/12	31/12	1.025.358.909
16/12	31/12	2.241.372.671
17/12	31/12	2.239.204.033
18/12	31/12	2.710.798
Tổng tháng 12		14.445.946.965

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31.tháng 12.năm2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.40: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 12/2013

Đơn vị báo cáo: Công ty CP TV và TKXD Đông Nam Á

Địa chỉ: Số 65/05-Đà Nẵng-Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số B02 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	4.526.615.509	4.080.134.312
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần	10		4.526.615.509	4.080.134.312
4	Giá vốn hàng bán	11		3.345.269.712	3.104.312.171
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.181.345.797	975.822.141
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.033.228	1.799.183
7	Chi phí tài chính	22		108.643.732	125.463.333
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		108.643.732	125.463.333
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		980.742.845	902.377.900
9	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		92.162.548	(30.219.909)
10	Thu nhập khác	31		454.545.455	10.000.000
11	Chi phí khác	32		544.153.640	
12	Lợi nhuận khác	40		(89.608.185)	10.000.000
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	IV.09	2.554.363	(20.219.909)
14	Chi phí thuế TNDN	51		542.160	
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.012.203	(20.209.909)

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.41: Báo cáo KQHĐKD năm 2013

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM Á

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á

Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, bên cạnh những thuận lợi công ty phải đương đầu với không ít khó khăn từ các yếu tố khách quan cũng như các yếu tố chủ quan mang lại. Mặc dù vậy, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của ban giám đốc công ty, và sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình của các toàn thể công nhân viên, công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm. Để đạt được thành tựu như vậy không thể không kể tới sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Qua một thời gian thực tập tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á việc nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á”, em xin đưa ra một số ý kiến như sau :

3.1.1. Ưu điểm

Trong thời kỳ kinh tế đang ngày càng phát triển, có thêm nhiều sự cạnh tranh trên thương trường và nhiều khi tình hình kinh tế không thuận lợi nhưng công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á luôn luôn nắm bắt được thị trường và thay đổi mình để hòa nhập với nó. Việc kinh doanh dịch vụ của công ty luôn đặt uy tín nên hàng đầu nên ngày càng có được sự tín nhiệm của các khách hàng. Công ty không ngừng nâng cao và cập nhật các mẫu thiết kế và công nghệ xây dựng để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Cùng với đó đội ngũ nhân viên trong công ty cũng được đào tạo chuyên nghiệp trong lĩnh vực thuộc ngành nghề của mình, cán bộ nhân viên năng động trong kinh doanh và nhiệt tình về công việc.

Công ty không có phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu do đó ta có thể thấy rằng, trong thời gian qua công ty luôn sử dụng và tiêu thụ những vật tư xây dựng có chất lượng tốt. Điều đó góp phần nâng cao uy tín của công ty trong ngành nghề xây dựng.

3.1.1.1 Về bộ máy quản lý

Trong thời gian tiếp cận và thực tập trong công ty em nhận thấy:

- Không gian làm việc của cán bộ nhân viên tương đối tốt, phòng làm việc được trang đủ đầy đủ về mọi mặt nhất là các thiết bị, máy móc phục vụ cho côngviệc, giúp nhân viên an tâm, tập trung công việc.
- Về bộ máy quản lý: Nhẹ và gọn, giúp công ty hoạt động dễ dàng và mau lẹ hơn, điều này luôn được công ty quan tâm và chú ý xây dựng.

3.1.1.2 Về tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Chính vì vậy công ty tự hào vì có đội ngũ dày dặn kinh nghiệm, đầy năng lực, tinh thần làm việc trách nhiệm cao. Bộ máy kế toán được xây dựng để phù hợp với năng lực, trình độ của từng người.

3.1.1.3 Về chứng từ, sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Chứng từ ghi sổ”. Và các chứng từ, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo quy định hiện hành và được thực hiện đồng bộ, thống nhất trong toàn công ty. Sổ sách trong công ty đều, đầy đủ, tỉ mỉ, được ghi chép rõ ràng và chính xác giúp công việc kế toán thực hiện trôi chảy. Việc lập, luân chuyển cũng như lưu trữ chứng từ luôn tuân theo quy định đảm bảo tính khách quan và tuân thủ đúng chế độ.

3.1.1.5 Về việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Xác định giá hàng xuất kho theo đúng phương pháp bình quân liên hoàn. Chi phí về quản lý kinh doanh phát sinh của công ty đều dễ quản lý và được đưa vào TK642. Công ty xác định thuế phải nộp đầy đủ và khách quan. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Hạn chế

Những thành tựu của việc hạch toán kế toán đã góp phần không nhỏ vào thành công của công ty. Song bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng

và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số vướng mắc hay hạn chế cần sớm hoàn thiện, có biện pháp kịp thời để nâng cao hiệu quả của phần hành kế toán của công ty, đồng thời kết quả kinh doanh ngày càng cao. Những hạn chế thể hiện ở những điểm sau:

3.1.2.1 Về hệ thống sổ sách, chứng từ

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Công ty kinh doanh nhiều ngành nghề và các mặt hàng khác nhau. Việc mở các sổ chi tiết bán hàng giúp cho kế toán có thể theo dõi dễ dàng, chính xác hơn về chi phí, doanh thu của từng hoạt động trong công ty để đưa ra những quyết định đúng đắn cho việc quản lý.

Thêm vào đó, công ty vẫn đang kết chuyển, xác định doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh chỉ trên sổ sách nhưng việc này sẽ gây khó khăn cho việc kiểm tra, rà soát số liệu, nhất là cho công việc quản trị.

3.1.2.2 Về hạch toán các khoản công nợ

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều và lâu dài dẫn đến tình trạng vẫn hay tồn đọng vốn. Vậy mà công ty vẫn chưa có nhiều khoản chiết khấu thanh toán và công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó và không tận dụng hết được nguồn vốn của mình.

3.1.2.3. Về hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán

Công ty hiện tại đã sử dụng máy vi tính vào phòng kế toán nhưng chỉ dùng cho việc khai thuế trên phần mềm còn việc ghi chép vẫn còn làm thủ công. Điều này làm cho việc lưu trữ chứng từ, ghi sổ còn nhiều sai sót và tốn nhiều công sức.

3.1.2.4 .Về áp dụng chính sách ưu đãi cho khách hàng

Hiện nay, công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng vì thế công ty còn nhiều khoản phải thu khách hàng.

3.1.2.5. Về công tác kế toán quản trị

Công tác kế toán quản trị tại công ty chưa được quan tâm đúng mức. Đây là một mảng quan trọng giúp cho các nhà quản trị một cách đặc lực.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ XD ĐÔNG NAM Á

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin.

Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua. Tuy nhiên, những tồn tại hạn chế là yếu tố tất yếu trong bất kỳ bộ phận nào, kể cả bộ máy kế toán. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn đặt ra.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong tất cả các doanh nghiệp. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý của Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất. Nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy, yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp. Hạch toán đúng phần này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ, mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty, bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

3.2.2. Một số nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên việc hoàn thiện phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng thể thức, tôn trọng chế độ kế

toán. Kế toán là một công cụ tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

Thứ hai, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với các đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.2.3.1. Về hệ thống sổ sách- Mở sổ chi tiết bán hàng

Việc theo dõi từng sản phẩm là việc rất cần thiết, giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm bắt doanh thu, giá vốn của từng sản phẩm, từ đó phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm. Vì vậy công ty nên bổ sung thêm sổ “Chi tiết Bán hàng”.

Trong kỳ, tám ộp trần là mặt hàng kinh doanh không hiệu quả . Nếu công ty chỉ căn cứ trên sổ cái TK 511, TK 632 thì chỉ nắm được doanh thu , chi phí (giá vốn) của tất cả các mặt hàng mà không thể xác định được doanh thu, chi phí của mặt hàng , không nắm bắt được mặt hàng nào đang kinh doanh hiệu quả, mặt hàng nào đang kinh doanh không tốt. Nếu công ty bổ sung thêm sổ chi tiết bán hàng (như ví dụ dưới đây) thì sẽ có những đánh giá chính xác hơn về kết quả kinh doanh của sản phẩm này để từ đó tìm ra nguyên nhân, đưa ra giải pháp và có những đánh giá chính xác nhất để hiệu quả kinh doanh của công ty được tốt hơn.

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05/Đà Nẵng-Núi Đèo- TN- HP

Mẫu số S17-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, bất động sản đầu tư) : Tấm ốp trần
Tháng 12/2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			SL	ĐG	TT	Thuế	khác
28/12	0001013	28/12	Bán hàng cho cty XD Phong Lan	131	2250	7600	17.100.000		
29/12	0001014	29/12	Bán hàng cho cty XD Phong Lan	131	2300	7600	17.480.000		
			Cộng số phát sinh tháng 12		4550	7600	34.580.000		
			Giá vốn hàng bán		4550	7620	34.671.000		
			Lãi gộp				(91.000)		

-Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12.năm.2013.

Người ghi sổ
(Ký ,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký ,họ tên)

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

3.2.3.3. Kiến nghị 2: Về hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi lượng công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy móc có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hóa của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT_BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như : Phần mềm kế toán Fast của công ty CP phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast, Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA ,Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart ...

Việc sử dụng phần mềm kế toán là cần thiết bởi vì:

- Tiết giảm chi phí nhân công.
- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời về tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Làm cho kế toán không phải mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhàm chán để dành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.
- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng ngoài công ty.

3.2.3.3. Kiến nghị 3: Chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán

a. Chiết khấu thương mại

Việc sử dụng chiết khấu thương mại sẽ giúp công ty khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận. Tùy theo từng trường hợp phát sinh thực tế mà công ty áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho phù hợp.

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

+ Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 5211.

+ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Phương pháp hạch toán

Phản ánh chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK 5211:

Nợ TK 3331:

Có TK 131,111,112:

Cuối kỳ kết chuyển giảm trừ doanh thu:

Nợ TK 511

Có TK 5211

b. Chiết khấu thanh toán

Các khoản phải thu là một phần vốn bằng tiền bị chiếm dụng mà hiện tại thực trạng các khoản phải thi của khách hàng tại công ty có giá trị rất lớn. Điều này gây khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần huy động gấp vốn. Vì vậy công ty nên sử dụng biện pháp chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm và nhanh hơn thời hạn trong hợp đồng hoặc là thanh toán ngay. Công ty nên:

+ Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản phải thu, thường xuyên đôn đốc để thu hồi nợ đúng hạn.

+ Có biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán (yêu cầu đặt cọc,

tạm ứng hoặc trả trước một phần giá trị đơn hàng...)

+ Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng thường xuyên, có uy tín. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng cho chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp

Phương pháp hạch toán

Phản ánh chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng (số tiền đã bao gồm thuế GTGT)

Có TK 111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm trừ công nợ cho khách hàng

Cuối kỳ, kết chuyển tăng chi phí:

Nợ TK 911

Có TK 635

Ví dụ minh họa :

Ngày 25/8/2012, công ty ký hợp đồng thi công nhà bảo vệ trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên (HĐ số 07-2013/HĐ-XD) với tổng số tiền 82.544.000 đồng.(đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Hợp đồng thỏa thuận giữa 2 bên ký kết, Bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên sẽ thanh toán vào ngày 15/1/2014 nhưng ngày 27/12/2013 bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên đã chuyển khoản trả cho công ty.

Giả sử công ty đặt ra chính sách chiết khấu thanh toán cho năm 2013 như sau;

+ Khách hàng mua hàng và thanh toán trước thời hạn là ½ thì gian trong hợp đồng thì sẽ được hưởng chiết khấu 1% trên tổng giá thanh toán thì bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên được hưởng mức chiết khấu 1% trên tổng số tiền thanh toán 82.544.000 đồng.

Công ty tiến hành định khoản:

Nợ TK 635: 825.440 (82.544.000×1%)

Có TK 111 : 825.440

Như vậy Bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên được hưởng chiết khấu thanh toán là 825.440 đồng.

Số tiền công ty thực thu là 81.718.560 đồng.

Sau khi CKTT cho Bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên, kế toán đã lập PC số 175, ghi bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, ghi CTGS, sổ đăng ký CTGS và ghi sổ cái TK 635.

CÔNG TY CP Tư vấn và thiết kế XD		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
Đông Nam Á			
Số 65/05- Đà Nẵng-Núi Đèo- TN- HP		Độc lập – Tự do – Hạnh phúc	
		Quyển số 01/2013	
PHIẾU CHI		Số 175	
		Nợ TK:635	
		Có TK:111	
Ngày : 27-12-2013			
Họ tên người nộp:	Nguyễn Thị Hòa		
Địa chỉ:	Phòng kế toán – tài vụ		
L ý do :	Chi tiền CKTT cho bảo hiểm xã hội huyện Thủy Nguyên		
Số tiền:	825.440 VNĐ		
Bằng chữ:	Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn		
Kèm theo:	01 chứng từ gốc		
<i>Ngày 27 tháng 12 năm 2013</i>			
Giám đốc	Kế toán	Người nộp tiền	Thủ Quỹ

Biểu số 3.2: Phiếu chi số 175

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

Mẫu số S02a-DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỢ TK 635

Tháng 12/2013

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có các TK		Nợ TK 635
SH	NT		TK 111	TK 112	
PCKNV11	03/12	Trả lãi NH Vietbank		8.680.000	8.680.000
PCKNV12	25/12	Trả lãi NH Vietbank		7.440.000	7.440.000
PC 175	27/12	Chiết khấu thanh toán cho KH	825.440		
		Cộng	825.440	16.120.000	16.945.440

Biểu số 3.3: Bảng kê chứng từ Nợ TK 635(bổ sung NV CKTT)

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á Số 65/05- Đà Nẵng-Núi Đèo-TN-HP		Mẫu số S02a- DNN (Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ/BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)		
		<p>CHỨNG TỪ GHI SỔ</p> <p>Số 08/12</p> <p>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</p>		
Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt T12/2013	112	111	19.000.000	
	133	111	3.816.867	
	154	111	30.298.318	
	311	111	2.350.000.000	
	334	111	59.292.143	
	642	111	10.100.846	
	331	111	50.000	
	635	111	825.440	
Cộng			2.473.383.614	
Kèm theo 24 chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				

Biểu số 3.4: Chứng từ ghi sổ số 08/12(bổ sung NV CKTT)

Đơn vị: Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á
 Địa chỉ: số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo-TN-HP

Mẫu số S02b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14 /9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2013

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
01/12	31/12	176.141.876
....
07/12	31/12	12.522.920
08/12	31/12	2.473.383.614
.....
18/12	31/12	2.710.798
Cộng tháng 12		14.446.772.405
Cộng lũy kế từ đầu quý		

-Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31.tháng 12.năm2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.5 : Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Mẫu số S02c1-DNN

Số 65/05-Đà Nẵng –Núi Đèo– TN – HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 1/12/2013 đến ngày 31/12/2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn Giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			<u>Số dư đầu tháng</u>			
31/12	3/12	31/12	Trả lãi tiền vay	112	16.120.000	
31/12	8/12	31/12	Chiết khấu thanh toán	111	825.440	
31/12	17/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911		
			<i>Cộng phát sinh</i>		16.945.440	16.945.440
			<u>Số dư cuối năm</u>		-	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.6 : Sổ cái TK 635(Bổ sung NV CKTT)

3.2.3.4: Kiến nghị 4: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty nên mở TK 1592 – “dự phòng phải thu khó đòi”. Quán triệt nguyên tắc thận trọng, đòi hỏi doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi. Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập BCTC. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xóa nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo chế độ tài chính hiện hành và được tính vào TK 642

Nợ TK 6422 : Chi phí QLDN

Có TK 1592 : Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Căn cứ thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 7/12/2009:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

-Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Theo thông tư trên các khoản phải thu khó đòi phải đáp ứng các điều kiện sau:

-Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Ước tính đối với khách hàng đáng ngờ (dựa vào thời gian quá hạn thực tế):

$$\begin{matrix} \text{Số dự phòng cần lập} \\ \text{cho niên độ tới của} \\ \text{khách hàng đáng} \\ \text{ngờ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số nợ phải thu} \\ \text{khách hàng đáng} \\ \text{ngờ} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Tỷ lệ ước tính không} \\ \text{thu được của khách} \\ \text{hàng} \end{matrix}$$

Căn cứ theo QĐ số 48/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC, công ty sử dụng TK 159” các khoản dự phòng”.

TK 159 có 3 tài khoản cấp 2:

+ TK 1591 – Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

+ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ TK 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

-Nếu số dự phòng năm nay lớn hơn số cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích thêm:

Nợ TK 6422 : Chi phí QLDN

Có TK 1592: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

-Nếu số dự phòng năm nay nhỏ hơn so với số cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 1592: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422: Chi phí QLDN

-Các khoản nợ xác định là không đòi lại được, được phép xóa nợ. căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 1592 : Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422: Chi phí QLDN

Có TK 131: Phải thu của KH

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi: Nợ TK 004 (Nợ khó đòi đã được xử lý)

Đối với khoản nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ nếu sau một thời gian lại thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112

Có TK 711

Đồng thời ghi Có TK 004 (Nợ khó đòi đã được xử lý)

Ví dụ minh họa:

Dựa vào sổ theo dõi tình hình công nợ của công ty ta thấy, đơn vị UBND xã Thủy Đường nợ công ty 187.000.000 đồng từ ngày 15/9/2012. Theo hợp đồng thời hạn thanh toán là 5 tháng . Đến ngày 19/3/2013 phải thanh toán nhưng tới cuối năm công ty vẫn chưa thu hồi được nợ. Công ty nên áp dụng theo quy định để trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi này là 30%.

Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á

Số 65/05-Đà Nẵng-Núi Đèo-TN-HP

SỔ THEO DÕI TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Năm 2013

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên KH	Mã số thuế	Công nợ đến hết ngày 31/12/2013		Ghi chú
			Dư nợ CK	Dư có CK	
.....	
35	Công ty TNHH Phong Lan	0200763312	38.038.000		Đang chờ thanh toán
36	Công ty TNHH MTV KTVT thủy lợi Tiên Lãng	0900221643	8.627.000		Đang chờ lệnh chuyển có
37	UBND xã Thủy Đường		187.000.000		Phát sinh ngày 15/9 hạn thanh toán 19/3, quá hạn 9 tháng
	Tổng cộng		892.858.700	96.867.986	

Ngày 31/12/2013

Người lập biểu
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

Biểu số 3.7: Trích sổ theo dõi công nợ

Kế toán tiền hành định khoản:

Nợ TK 6422 :56.100.000 (=187.000.000×30%)

Có TK 1592 :56.100.000

3.2.3.5. Kiến nghị 5: Về công tác kế toán quản trị

Kế toán quản trị là một bộ phận của bộ máy kế toán. Kế toán quản trị hay kế toán quản lý là lĩnh vực chuyên môn của kế toán nhằm nắm bắt các vấn đề về thực trạng, đặc biệt thực trạng tài chính của doanh nghiệp; qua đó phục vụ công tác quản trị nội bộ và ra quyết định quản trị. Thông tin của kế toán quản trị đặc biệt quan trọng trong quá trình vận hành của doanh nghiệp, đồng thời phục vụ việc kiểm soát, đánh giá doanh nghiệp đó

Kế toán quản trị cung cấp các thông tin có giá trị cho nhà lãnh đạo.

Mục tiêu của kế toán quản trị :

- Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng loại công trình dịch vụ.
- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- Kiểm soát thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.
- Cung cấp các thông tin cần thiết để có các quyết định kinh doanh hợp lý.

Hiện tại công ty chưa có một bộ phận kế toán quản trị riêng biệt và độc lập để có thể giải quyết các yêu cầu cho tính chất chuyên biệt của công việc. Kế toán quản trị sẽ có thể quyết định chính xác, đặc biệt có chức năng xác định các khoản chi phí dựa trên việc phân chia biến phí và định phí. Dựa vào báo cáo kế toán quản trị, báo cáo được lập dựa trên các yếu tố doanh thu, biến phí, định phí giúp cho người quản lý thấy được sự biến động của chi phí khi mức độ hoạt động kinh doanh thay đổi đáp ứng yêu cầu lập kế hoạch kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí. Cùng với đó sẽ giúp cho công ty có thể tìm biện pháp giảm thiểu hay tiết kiệm được chi phí và tăng doanh thu.

KẾT LUẬN

Tư vấn và thiết kế xây dựng là một ngành được nhà nước chú trọng đầu tư nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong nước. Công ty Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á đã được đầu tư xây dựng nhằm thỏa mãn nhu cầu trong vùng và các khu vực lân cận. Để hoạt động có hiệu quả trong thời gian hiện nay và đặc biệt là hội nhập kinh tế thì việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra chiến lược phát triển phù hợp là điều kiện không thể thiếu.

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khóa luận tốt nghiệp : ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á”*** đã đề cập những vấn đề lý luận chung và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á.

- Về mặt lý luận: Khóa luận đã nêu và hệ thống hóa những lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Khóa luận đã phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á với số liệu năm 2013 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

- Về kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty: Từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết của em còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung bài

khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo cũng như sự cảm thông từ phía các thầy cô và các bạn để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến GV, Th.S Trần Thị Thanh Thảo, người đã trực tiếp hướng dẫn em, và các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, cùng các anh, chị trong phòng kế toán tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Đào Thị Thúy Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp

Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

3. Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a. Websise: www.google.com.vn

b. Websise: www.Ketoanvietnam.com

4. Các chứng từ, sổ sách, báo cáo tài chính năm 2013 tại công ty CP tư vấn và thiết kế XD Đông Nam Á